

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THIÊN PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Giảng viên hướng dẫn:ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Mã SV:1212401100

Lớp: QT1601K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành
sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Kết cấu của khóa luận	2
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	3
1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm:	3
1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm:	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất	5
1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí:	5
1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí:	5
1.4. Phân loại giá thành.....	6
1.4.1. Phân loại theo thời điểm tính giá thành:	6
1.4.2. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí:	6
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành	7
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:	7
1.5.2. Đối tượng tính giá thành:	7
1.5.3. Kỳ tính giá thành:	7
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.....	8
1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất	8
1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất	8
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	8
1.7.1. Phương pháp trực tiếp (Phương pháp giản đơn)	8
1.7.2. Phương pháp hệ số.....	9
1.7.3. Phương pháp tỷ lệ	9
1.7.4. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ	10

1.8.	Đánh giá sản phẩm dở dang	10
1.8.1.	Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương .	11
1.8.2.	Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến	12
1.8.3.	Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính .	12
1.8.4.	Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí NVLTT	12
1.8.5.	Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí định mức hoặc kế hoạch ..	12
1.9.	Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.....	13
1.9.1.	Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	13
1.9.2.	Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	19
1.10.	Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	21
1.10.1.	Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng	21
a.	Khái niệm:	21
b.	Phân loại:	21
c.	Xác định giá trị thiệt hại thực của sản phẩm hỏng:	21
d.	Phương pháp hạch toán:.....	21
1.10.2.	Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất	23
c.	Xác định giá trị thiệt hại về ngừng sản xuất:	23
1.11.	Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán	24
1.11.1.	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24
1.11.2.	Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	24
1.11.3.	Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	25
1.11.4.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
1.11.5.	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THIÊN PHONG		28
2.1.	Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.....	28
2.1.1.	Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH cơ khí Thiên Phong ...	28
2.1.2.	Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.	29
2.1.3.	Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong ..	30

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	31
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	32
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất	32
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm..	32
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm	33
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	33
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THIÊN PHONG	69
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	69
3.1.1. Ưu điểm	69
3.1.2. Hạn chế	70
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	71
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm	71
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	72
3.4.1. Kiến nghị 1: Về thay đổi trong công tác hạch toán các khoản trích theo lương.	72
3.4.2. Kiến nghị 2: Về hạch toán thiệt hại trong sản xuất	73
3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán	75
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	76
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	76
3.5.2. Về phía doanh nghiệp	77
KẾT LUẬN	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm gần đây.....	29
Biểu số 2.1: Dự toán vật tư cho 01 Dàn lạnh 10.000x480	34
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số HD0000148.....	35
Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho số PN115	36
Biểu số 2.4: Trích Sổ chi tiết TK152	37
Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số PX134	38
Biểu số 2.6: Phiếu tính giá xuất kho	39
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số PX135	40
Biểu số 2.8: Trích sổ chi tiết TK621	41
Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung.....	42
Biểu số 2.10: Trích Sổ cái TK621.....	43
Biểu số 2.11: Trích Bảng chấm công phân xưởng sản xuất	45
Biểu số 2.12: Trích Bảng thanh toán tiền lương Phân xưởng sản xuất	46
Biểu số 2.13: Trích Bảng trích các khoản theo lương Phân xưởng sản xuất.....	47
Biểu số 2.14: Bảng tổng hợp lương toàn doanh nghiệp.....	49
Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung.....	50
Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK622.....	51
Biểu số 2.17: Hóa đơn GTGT số HD0000367.....	53
Biểu số 2.18: Phiếu chi số PC006	54
Biểu số 2.19: Trích Bảng phân bổ công cụ dụng cụ	55
Biểu số 2.20: Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ	56
Biểu số 2.21: Phiếu chi số PC002	57
Biểu số 2.22: Hóa đơn GTGT số HD0003605.....	58
Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung.....	59
Biểu số 2.24: Trích Sổ cái TK627.....	60
Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất	61
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số PKT05/06	62
Biểu số 2.27: Sổ chi tiết TK154	63
Biểu số 2.28: Trích sổ Nhật ký chung.....	64
Biểu số 2.29: Trích Sổ cái TK154.....	65
Biểu số 2.30: Thẻ tính giá thành sản phẩm	66

Biểu số 2.31: Biên bản bàn giao tài sản	67
Biểu số 2.32: Trích sổ Nhật ký chung	68
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	14
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	15
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung	18
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất – dịch vụ kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTXX	19
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất – dịch vụ kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK.....	20
Sơ đồ 1.6: Hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được.....	22
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung	24
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	25
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính	27
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình sản xuất chung tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong .	30
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong	30
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong ..	31
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong theo hình thức kế toán Nhật ký chung	32
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán thiệt hại sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được kiến nghị với Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.....	74

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

S TT	Cụm từ đầy đủ	Chữ viết tắt	S TT	Cụm từ đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH	15	Máy móc thiết bị	MMTB
2	Đơn vị tính	ĐVT	16	Bảo hiểm xã hội	BHXH
3	Tài sản cố định	TSCĐ	17	Bảo hiểm y tế	BHYT
4	Giá trị gia tăng	GTGT	18	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
5	Chi phí sản xuất	CPSX	19	Kinh phí công đoàn	KPCĐ
6	Tài khoản	TK	20	Nguyên vật liệu	NVL
7	Dở dang đầu kỳ	DDĐK	21	Công cụ dụng cụ	CCDC
8	Dở dang cuối kỳ	DDCK	22	Số thứ tự	Số TT
9	Đơn vị sản phẩm	ĐVSP	23	Số hiệu	SH
20	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	CPNVLTT	24	Ngày tháng	NT
11	Chi phí nhân công trực tiếp	CPNCTT	25	Số hiệu tài khoản đối ứng	SHTKĐƯ
12	Chi phí sản xuất chung	CPSXC	26	Chứng từ	CT
13	Sản xuất kinh doanh	SXKD	27	Kê khai thường xuyên	KKTX
14	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương	TPP	28	Kiểm kê định kỳ	KKĐK

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, nhất là khi nước ta tham gia vào Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) năm 2015, các doanh nghiệp bắt buộc phải tìm cách phát triển năng lực cạnh tranh để tồn tại. TPP tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận rộng hơn với thị trường lớn trên thế giới, nhưng doanh nghiệp cần không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo ra điểm khác biệt thu hút khách hàng (chất lượng sản phẩm tốt nhất, giá bán thấp nhất,...). Để làm được điều này, công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải được thực hiện thật chính xác.

Việc tổ chức công tác quản lý và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm kinh doanh và tình hình thực tế của doanh nghiệp sẽ cho những thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp. Tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm sẽ đảm bảo cho doanh nghiệp tránh được lãi giả, lỗ thật và ngược lại. Hơn thế nữa, để được hưởng ưu đãi thuế quan trong TPP, hàng hóa sản xuất phải đáp ứng các quy tắc về xuất xứ. Chỉ có thực hiện tốt việc hạch toán chi phí đầu vào mới giúp các doanh nghiệp đạt được những tiêu chí này.

Là doanh nghiệp có một số khách hàng ngoài nước, với mong muốn phát triển và đứng vững trên thị trường, công ty TNHH cơ khí Thiên Phong đang cố gắng hoàn thiện để đạt được các tiêu chuẩn cao mà TPP đặt ra. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, cùng với vốn kiến thức đã học ở nhà trường và những hiểu biết qua thời gian thực tập tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, em chọn đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong”*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí – giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

- Phạm vi nghiên cứu: Tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

- Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm chỉ là một trong những hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Tương ứng với hoạt động này là các chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm, cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, các chi phí này lại chiếm phần lớn trong toàn bộ các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp sản xuất.

Chi phí sản xuất là hao phí về lao động sống và lao động vật hóa cùng các chi phí khác để sản xuất chế tạo sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã chi ra biểu hiện bằng tiền cho quá trình sản xuất trong một kỳ sản xuất nhất định.

- Chi phí lao động sống là những chi phí liên quan đến việc sử dụng yếu tố mức lao động như: Chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

- Chi phí về lao động vật hóa là các khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng tư liệu lao động, đối tượng lao động như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu,...

Thực chất, chi phí sản xuất là số tiền mà doanh nghiệp phải chi để mua các yếu tố đầu vào cần thiết cho quá trình sản xuất hàng hóa nhằm mục đích thu lợi nhuận. Trong nền kinh tế hàng hóa, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm đến chi phí sản xuất. Việc giảm chi phí sản xuất (hạ giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ) đồng nghĩa với việc tăng lợi nhuận, đó cũng là cách tốt nhất để hạ giá bán giúp tăng tính cạnh tranh của hàng hóa.

Hiểu biết và tính toán đầy đủ các chi phí liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp tạo điều kiện tính toán chính xác các chỉ tiêu như giá thành, lợi tức, thuế, các khoản nộp ngân sách,... trên cơ sở đó đánh giá đúng hiện trạng hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm:

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền các chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm cấu thành trong những sản phẩm đã hoàn thành.

- Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu có tính chất tổng hợp, phản ánh chất lượng và đo lường hiệu quả các mặt công tác của qua trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Giá thành sản phẩm phản ánh kết quả của việc quản lý sử dụng lao động, vật tư, TSCĐ trong doanh nghiệp. Nếu các yếu tố đầu vào được thực hiện với chất lượng cao → tiết kiệm được chi phí → giá thành sản phẩm sẽ hạ và ngược lại.

- Trong cơ chế thị trường, giá thành sản phẩm là chỉ tiêu phản ánh sức mạnh cạnh tranh của doanh nghiệp, là tiền đề để hạ giá bán.

- Trong phạm vi doanh nghiệp, hạ giá thành là con đường cơ bản để tăng lợi nhuận góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Trong phạm vi toàn xã hội, việc hạ giá thành sản phẩm của các ngành sản xuất sẽ tiết kiệm lao động xã hội, tăng tích lũy cho nền kinh tế.

Do đó, giá thành cần được hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời để làm cơ sở đánh giá được thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp, việc thực hiện các định mức, dự toán chi phí, kế hoạch hạ giá thành sản phẩm,....

1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm:

- Chức năng thước đo bù đắp chi phí: Giá thành sản phẩm biểu hiện những hao phí vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm, dịch vụ. Những hao phí này cần được bù đắp một cách đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất. Chỉ tiêu giá thành được xác định một cách chính xác là cơ sở để đánh giá việc doanh nghiệp có khả năng bù lại những gì mà mình đã bỏ ra hay không.

- Chức năng lập giá: Để thực hiện chức năng bù đắp chi phí, khi xây dựng giá bán cho sản phẩm phải căn cứ vào giá thành. Trong nền kinh tế thị trường, cơ sở xây dựng giá cả là giá thành bình quân của cả ngành hoặc khu vực nhưng việc xác định giá thành cá biệt ở từng doanh nghiệp lại có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác xác định giá thành bình quân.

- Chức năng đòn bẩy kinh tế: Lợi nhuận của doanh nghiệp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành sản phẩm. Hạ giá thành giúp tăng lợi nhuận, tạo nên tích lũy để tái sản xuất. Do đó, giá thành trở thành đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường hiệu quả kinh doanh để phù hợp với các nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong điều kiện cơ chế thị trường. Tính chất đòn bẩy

kinh tế của giá thành đặt ra yêu cầu cho từng bộ phận sản xuất, sao cho sử dụng chi phí một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất.

Như vậy, giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác quản lý của doanh nghiệp. Do đó, giá thành cần được xác định chính xác, trung thực. Tính đúng giá thành là tính toán chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất ra sản phẩm. Vì vậy, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng đúng phương pháp tính giá thành và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất kế toán đã tập hợp một cách chính xác. Tính đủ giá thành là tính toán đầy đủ mọi chi phí đã bỏ ra cho sản xuất sản phẩm nhưng cũng phải loại bỏ những chi phí không liên quan, không cần thiết.

1.3. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp bao gồm rất nhiều loại với nội dung kinh tế, mục đích công dụng và phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau, do vậy cần căn cứ vào những tiêu thức phù hợp để phân loại chi phí sản xuất phục vụ cho yêu cầu quản lý.

1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Là toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và công cụ dụng cụ,... được sử dụng cho hoạt động sản xuất.
- Chi phí nhân công: Là tiền lương chính, lương phụ, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) và các khoản phải trả khác cho người lao động.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là phần giá trị hao mòn tài sản cố định chuyển dịch vào chi phí sản xuất trong kỳ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản tiền điện, nước, điện thoại,...
- Chi phí khác bằng tiền: Là những khoản chi phí bằng tiền khác liên quan đến quá trình sản xuất (chi tiếp khách, hội nghị,...)

***Tác dụng:** Cách phân loại này giúp ta biết cơ cấu tỷ trọng của từng yếu tố chi phí, là cơ sở cho việc phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán CPSX, xây dựng kế hoạch cung ứng, đảm bảo các yếu tố chi phí sản xuất,...

1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí:

Khi tính giá thành sản xuất, chi phí chia thành 3 khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu,... tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất như tiền lương chính, lương phụ, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN), các khoản phải trả khác.

- Chi phí sản xuất chung: Bao gồm những chi phí sản xuất khác không kể chi phí NVLTT và chi phí NCTT như chi phí nguyên vật liệu gián tiếp, lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất, chi phí bảo trì, bảo dưỡng MMTB phục vụ sản xuất,...

***Tác dụng:** Cách phân loại này làm cơ sở cho việc xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành, cũng như việc thực hiện các định mức, dự toán chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.4. Phân loại giá thành

1.4.1. Phân loại theo thời điểm tính giá thành:

- Giá thành kế hoạch: Được tính trước khi bắt đầu sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước, các định mức, dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

- Giá thành định mức: Được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ (thường là ngày đầu tháng) và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm.

- Giá thành thực tế: Được tính sau khi kết thúc sản xuất trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

1.4.2. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí:

- Giá thành sản xuất: Bao gồm các chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất và chỉ tính cho thành phẩm.

- Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ): Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất – tiêu thụ sản phẩm và chỉ tính cho những thành phẩm đã được coi là tiêu thụ.

$$\text{Giá thành toàn bộ} = \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:

Là giới hạn hay phạm vi để kế toán tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh nhằm kiểm soát chi phí, phục vụ công tác tính giá thành.

Tùy theo:

- + Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất là giản đơn hay phức tạp
- + Loại hình sản xuất là đơn chiếc hay hàng loạt
- + Tổ chức sản xuất là tập trung hay phân tán

Mà đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là sản phẩm, chi tiết sản phẩm, giai đoạn chế biến, đơn đặt hàng,...

1.5.2. Đối tượng tính giá thành:

Là những sản phẩm hoặc công việc hoàn thành cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Tùy theo:

- + Yêu cầu của hạch toán nội bộ
- + Yêu cầu về tiêu thụ sản phẩm

Mà đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm hoặc sản phẩm đang trên dây chuyền sản xuất.

1.5.3. Kỳ tính giá thành:

Là khoảng thời gian cụ thể mà bộ phận kế toán giá thành phải tiến hành tính giá thành cho từng đối tượng.

Căn cứ xác định kỳ tính giá thành: Dựa trên đặc điểm sản xuất kinh doanh, đối tượng tính giá thành và chu kỳ sản xuất sản phẩm kỳ tính giá thành có thể trùng với kỳ kế toán (tháng, quý, năm) hay theo đơn đặt hàng.

- Nếu tổ chức sản xuất sản phẩm nhiều, khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất kinh doanh ngắn, xen kẽ và liên tục thì kỳ tính giá thành là hàng tháng (ngày cuối tháng).

- Nếu tổ chức sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt theo đơn đặt hàng thì chỉ khi nào sản phẩm hoàn thành ta mới tính giá thành.

Kỳ tính giá thành cần được xác định hợp lý nhằm cung cấp số liệu về giá thành sản phẩm một cách kịp thời, đầy đủ phục vụ cho yêu cầu quản lý.

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Hạch toán chi phí sản xuất bao gồm các phương pháp:

- Phương pháp hạch toán CPSX theo sản phẩm
- Phương pháp hạch toán CPSX theo chi tiết sản phẩm
- Phương pháp hạch toán CPSX theo giai đoạn chế biến
- Phương pháp hạch toán CPSX theo đơn đặt hàng
- Phương pháp hạch toán CPSX theo phân xưởng

...

Nội dung chủ yếu của các phương pháp trên là kế toán mở sổ chi tiết chi phí theo từng đối tượng hạch toán chi phí đã xác định.

1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh mà trình tự hạch toán chi phí sản xuất ở các doanh nghiệp khác nhau thì khác nhau. Tuy nhiên, có thể khái quát trình tự hạch toán CPSX thành 4 bước:

Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp)

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phù trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và giá thành đơn vị lao vụ.

Bước 3: Tập hợp và phân bổ các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng (thường là chi phí sản xuất chung)

Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ theo phương pháp phù hợp, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

Tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng trong doanh nghiệp mà nội dung và cách hạch toán chi phí sản xuất có điểm khác nhau.

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.7.1. Phương pháp trực tiếp (Phương pháp giản đơn)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than,...)

Đối tượng tập hợp chi phí thường là sản phẩm, đơn đặt hàng.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{giá thành} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

1.7.2. Phương pháp hệ số

Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp trong cùng một quá trình sản xuất sử dụng cùng một thứ nguyên vật liệu nhưng thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau.

Đối tượng tập hợp chi phí là cả quá trình sản xuất.

Giữa các loại sản phẩm phải xây dựng được hệ số quy đổi cho nhau.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm gốc (Z}_0\text{)} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm } (\Sigma Z)}{\text{Tổng số lượng của tất cả các loại sản phẩm đã quy đổi } (\Sigma Q)}$$

$$\Sigma Z = \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{DDĐK} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPSX} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{DDCK} \end{array}$$

$$\Sigma Q = \Sigma Q_i \times H_i \quad \text{Trong đó: } Q_i \text{ là số lượng sản phẩm loại } i \\ H_i \text{ là hệ số quy đổi của sản phẩm } i$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm loại } i \\ \text{(Z}_i\text{)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{sản phẩm gốc} \\ \text{(Z}_0\text{)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của sản phẩm } i \\ \text{(H}_i\text{)} \end{array}$$

1.7.3. Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này thường áp dụng ở các doanh nghiệp trong cùng một quá trình sản xuất thu được nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm cấp khác nhau.

Đối tượng tập hợp chi phí thường là cả quá trình sản xuất.

Giữa các loại sản phẩm không xác định được hệ số quy đổi.

Việc tính giá thành thực tế được căn cứ vào giá thành kế hoạch hoặc định mức tính cho số lượng sản phẩm hoàn thành và tỷ lệ chi phí.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm } i = \frac{\text{Giá thành kế hoạch (định mức) sản phẩm } i}{\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm } i} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch (định mức) của tất cả các loại sản phẩm}}$$

1.7.4. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

Phương pháp này thường áp dụng đối với doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất thu được cả sản phẩm chính và sản phẩm phụ.

Đối tượng tập hợp chi phí là cả quy trình công nghệ sản xuất.

Khi tính giá thành sản phẩm chính, kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ thu được ra khỏi tổng chi phí sản xuất.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{giá thành} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm} \\ \text{chính} \\ \text{DDĐK} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPSX} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{phụ thu hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm chính} \\ \text{DDCK} \end{array}$$

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa đi qua tất cả các công đoạn của quá trình sản xuất.

Để tính chính xác giá thành sản phẩm, doanh nghiệp cần phải đánh giá sản phẩm dở dang, tức là xác định phần chi phí sản xuất đang nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ. Ngoài ra, việc tính toán chính xác giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ còn giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch hợp lý về cung ứng, thu mua, dự trữ, sản xuất tránh ứ đọng vốn hoặc ngừng trệ sản xuất ảnh hưởng đến kế hoạch tiêu thụ hàng hóa.

Đối với những doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, sản phẩm phải qua nhiều giai đoạn, công đoạn chế biến, bao gồm nhiều bộ phận, chi tiết,... thì việc đánh giá sản phẩm dở dang thường phức tạp, tốn nhiều thời gian, công sức. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cần căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, yêu cầu, trình độ quản lý cũng như tính tiết kiệm, hiệu quả của công tác kế toán. Doanh nghiệp có thể áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

1.8.1. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Đối tượng áp dụng: Phương pháp này vận dụng phù hợp với hầu hết các loại doanh nghiệp nhưng phải gắn với điều kiện có phương pháp khoa học trong việc xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Theo phương pháp này, trước hết doanh nghiệp phải xác định được khối lượng và mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang cuối kỳ. Sau đó quy đổi số sản phẩm dở dang cuối kỳ theo mức độ hoàn thành ra số sản phẩm quy đổi (hoàn thành tương đương). Sau đó tính các chi phí cho số sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Giả định:

- Đối với chi phí bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất (thường là CPNVLTT) được coi như phân bổ đồng đều 100% cho cả thành phẩm và sản phẩm dở dang.

- Đối với chi phí bỏ dần vào quá trình sản xuất (thường là CPNCTT, CPSXC) được gọi là chi phí chế biến thì phải phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế.

Với giả định trên, ta tính toán từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm DDCK theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Khoản mục} \\ \text{CPSX} \\ \text{nằm trong sản} \\ \text{phẩm DDCK} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Khoản mục} \\ \text{CPSX nằm trong} \\ \text{sản phẩm DDCK} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khoản mục} \\ \text{CPSX thực tế} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm DDCK quy} \\ \text{đổi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{DDCK} \\ \text{quy đổi} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{DDCK quy đổi} \end{array} = \text{Số lượng sản phẩm DDCK} \times \% \text{ hoàn thành}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{DDCK} \end{array} = \text{Tổng các khoản mục nằm trong sản phẩm DDCK}$$

1.8.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến

Phương pháp này tương tự phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, chỉ có một điểm khác là người ta giả định sản phẩm dở dang đã hoàn thành 50% so với thành phẩm đối với tất cả các khoản mục chi phí chế biến.

1.8.3. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính

Đối tượng áp dụng: Phương pháp này được vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu phát sinh cấu thành trong giá thành sản phẩm chiếm tỷ trọng cao, thông thường chi phí NVL chính chiếm cao hơn 70% trong giá thành sản phẩm.

Giả định: Trong giá trị sản phẩm dở dang chỉ có chi phí NVL chính mà không tính đến các chi phí khác.

$$\text{Giá trị sản phẩm DDCK} = \frac{\text{Chi phí NVL chính năm trong sản phẩm DDĐK} + \text{Chi phí NVL chính thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm DDCK}} \times \text{Số lượng sản phẩm DDCK}$$

1.8.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí NVLTT

Đối tượng áp dụng: Phương pháp này được vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp mà cấu thành trong giá thành sản phẩm có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng cao, thông thường lớn hơn 70%.

Phương pháp này tương tự phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí NVL chính và giả định trong giá trị sản phẩm dở dang chỉ có CPNVLTT mà không tính đến các chi phí sản xuất khác.

1.8.5. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí định mức hoặc kế hoạch

Đối tượng áp dụng: Phương pháp này được vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức (giá thành kế hoạch)

$$\text{Giá trị sản phẩm DDCK} = \frac{\text{CPSX theo định mức cho 1 DVSP}}{\text{Số lượng sản phẩm DDCK}} \times \% \text{ hoàn thành}$$

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Nguyên tắc chung:**

- Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng thì được tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó.

- Các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng mà không tách riêng được thì phải phân bổ theo tiêu thức phù hợp.

1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

CPNVLTT bao gồm các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ,... được sử dụng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm. Vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng thì áp dụng phương pháp gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu xuất kho

...

- **Tài khoản sử dụng:** TK621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- ❖ **Kết cấu TK621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Bên Nợ:

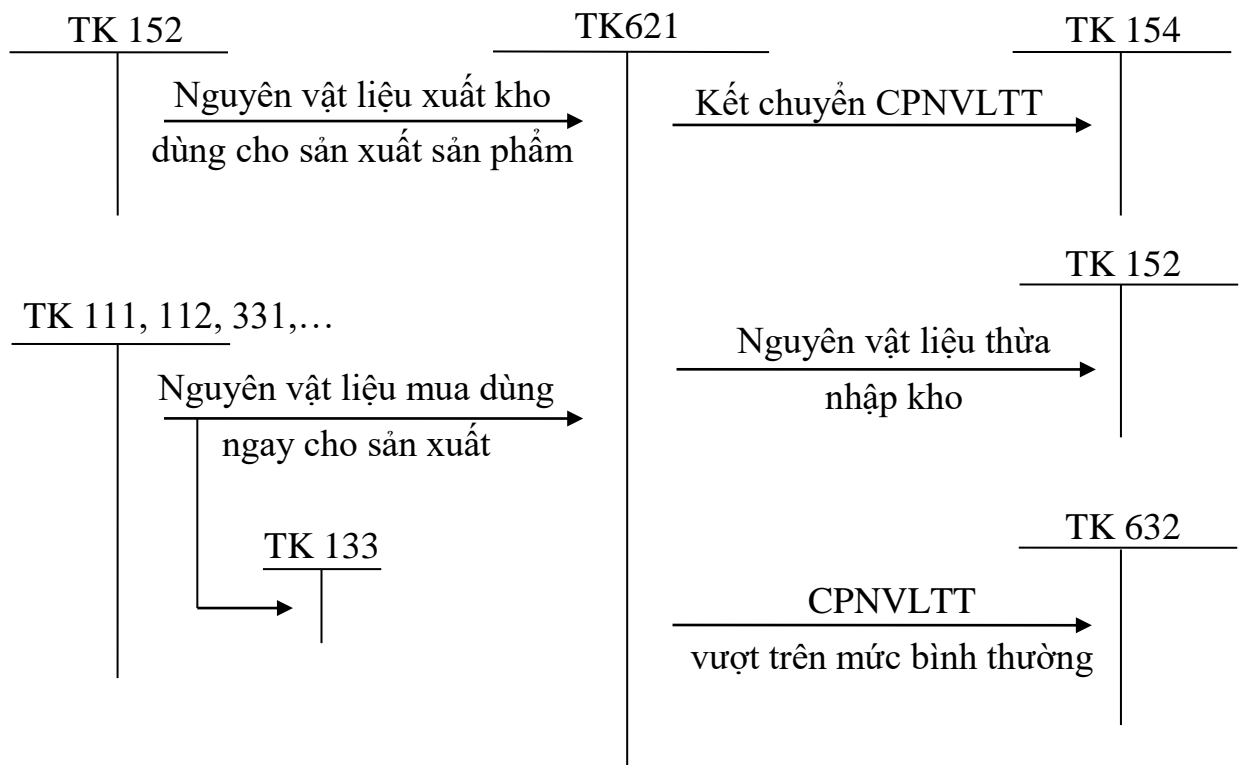
- + Tập hợp chi phí nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ (bao gồm cả trị giá nguyên vật liệu mua ngoài, nhận góp vốn,... dùng ngay cho sản xuất).

Bên Có:

- + Giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập kho hoặc chuyển sang kỳ sau.
- + Kết chuyển giá trị nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh để tính giá thành sản phẩm.

* Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

❖ Sơ đồ hạch toán TK621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

CPNCTT là những khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp, tiền ăn ca, tiền thưởng. Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản đóng góp cho các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ do chủ sử dụng lao động chịu được tính vào chi phí kinh doanh theo một tỷ lệ nhất định tương ứng với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Bảng chấm công
 - Bảng thanh toán tiền lương
 - Bảng thanh toán tiền thưởng
 - Bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương
 - Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
 - ...
- **Tài khoản sử dụng:** TK622 – Chi phí nhân công trực tiếp

❖ Kết cấu TK622 – Chi phí nhân công trực tiếp:

Bên Nợ:

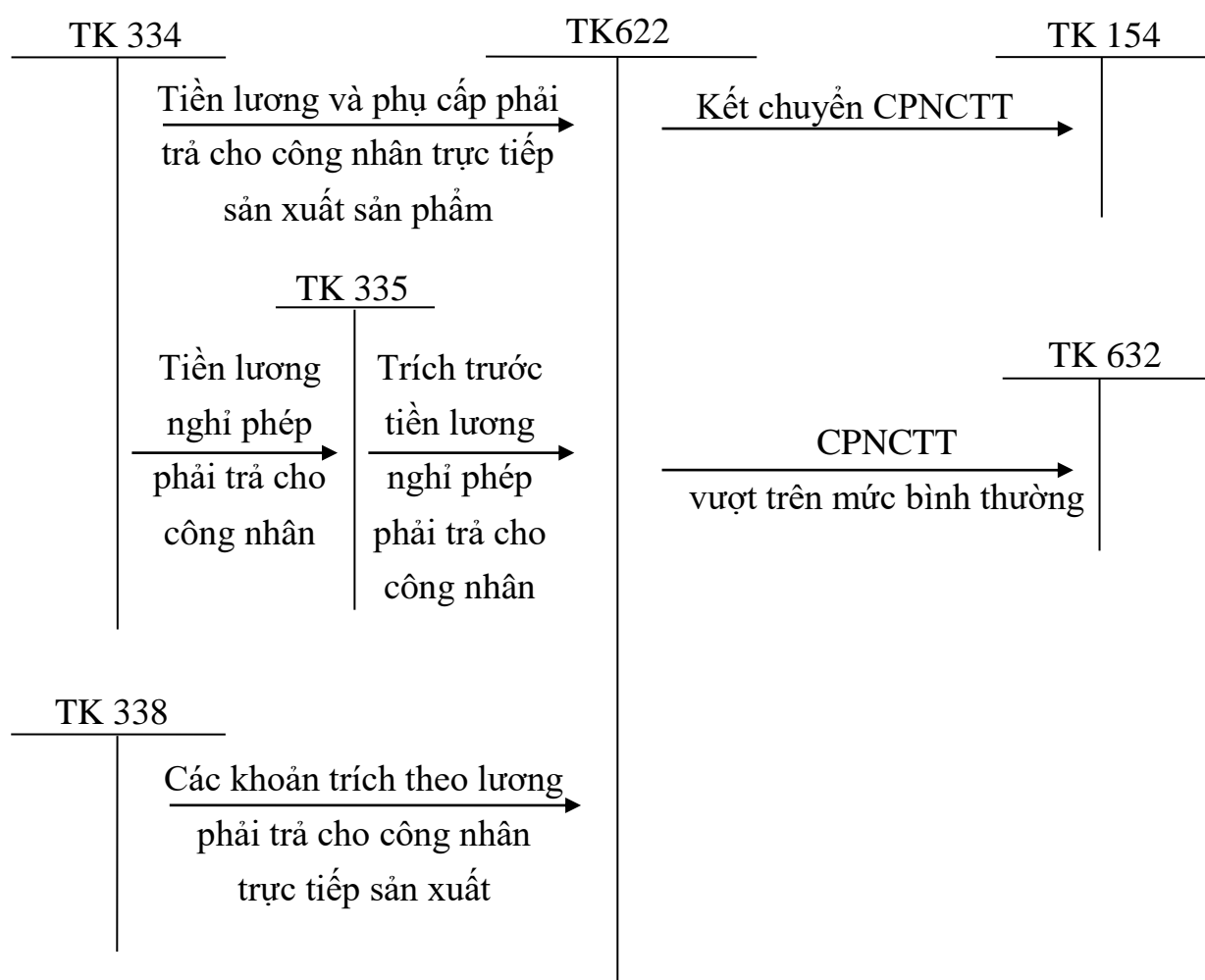
+ Chi phí nhân công trực tiếp tham gia sản xuất, chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

Bên Có:

+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

*Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán TK622 – Chi phí nhân công trực tiếp:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung

CPSXC là những chi phí cần thiết khác để phục vụ sản xuất sản phẩm phát sinh tại các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. CPSXC bao gồm: Lương nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu sản xuất chung, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền,...

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, dịch vụ trong phân xưởng nên cần phải được phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ là việc thực tế của công nhân sản xuất) theo công thức:

$$\text{Mức CPSXC phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng CPSXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{đồng vị}}$$

Khi hạch toán, CPSXC được chi tiết theo mối quan hệ với số lượng sản phẩm sản xuất ra:

- CPSXC biến đổi là những CPSXC thường thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất (có thể là chi phí CCDC, tiền điện,...) được phân bổ hết vào giá thành sản phẩm.

- CPSXC cố định là những CPSXC thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất (chi phí khấu hao, bảo dưỡng máy móc thiết bị, tiền thuê nhà xưởng,...) được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất.

+ Trường hợp số lượng sản phẩm thực tế sản xuất ra lớn hơn hoặc bằng số lượng sản phẩm theo công suất bình thường của máy móc thì CPSXC cố định được phân bổ hết vào giá thành.

+ Trường hợp số lượng sản phẩm thực tế sản xuất ra nhỏ hơn số lượng sản phẩm theo công suất bình thường của máy móc thì CPSXC cố định chỉ được phân bổ vào giá thành theo mức công suất bình thường theo công thức:

$$\text{CPSXC cố định phân bổ vào giá thành} = \frac{\text{Tổng CPSXC cố định}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất bình thường}} \times \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất thực tế}}{\text{đồng vị}}$$

• **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu xuất kho (công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu gián tiếp)
- Bảng thanh toán tiền lương (nhân viên phân xưởng)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (điện, nước,...)

...

- **Tài khoản sử dụng:** TK627 – Chi phí sản xuất chung

❖ **Kết cấu TK627 – Chi phí sản xuất chung:**

Bên Nợ:

- + Tập hợp các CPSXC thực tế phát sinh.

Bên Có:

- + Các khoản ghi giảm CPSXC
- + Kết chuyển (hay phân bổ) CPSXC để tính giá thành sản phẩm.

*Tài khoản 627 không có số dư cuối kỳ, chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- *TK6271 – Chi phí nhân viên phân xưởng:* Phản ánh các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền ăn giữa ca,... và các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên phân xưởng.

- *TK6272 – Chi phí vật liệu:* Phản ánh chi phí vật liệu dùng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, phục vụ hoạt động sản xuất, quản lý,... ở phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

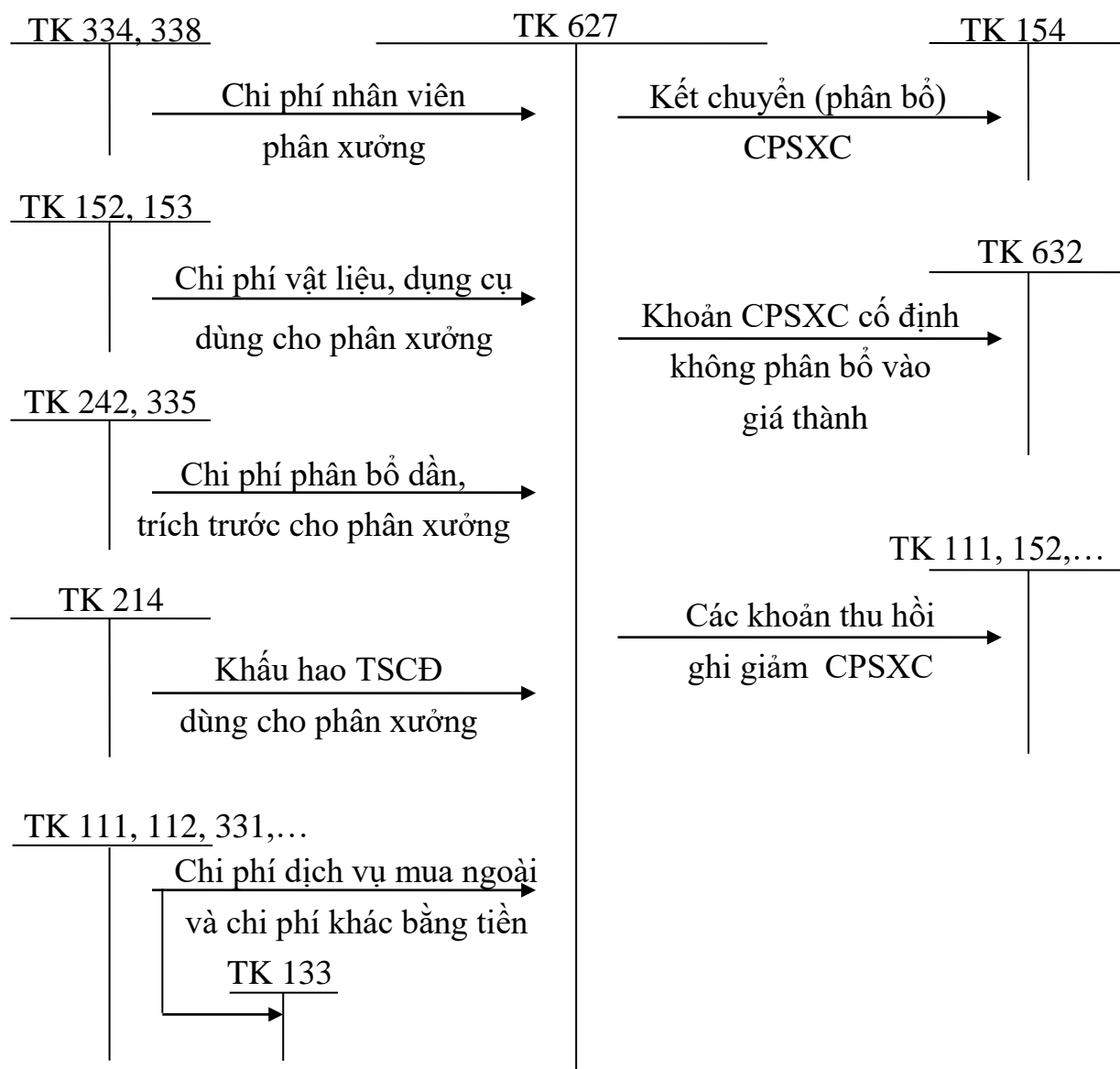
- *TK6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất:* Phản ánh chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, quản lý ở phân xưởng, tổ, đội sản xuất.

- *TK 6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ:* Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ và TSCĐ phục vụ hoạt động của phân xưởng.

- *TK6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ hoạt động của phân xưởng và bộ phận sản xuất như chi phí sửa chữa, tiền thuê TSCĐ, chi phí điện, nước, điện thoại,...

- *TK6278 – Chi phí bằng tiền khác:* Phản ánh các chi phí bằng tiền nằm ngoài các chi phí trên phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, bộ phận sản xuất.

❖ **Sơ đồ hạch toán TK627 – Chi phí sản xuất chung:**



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung

1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất

- **Tài khoản sử dụng:** TK154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- ❖ **Kết cấu TK154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:**

Bên Nợ:

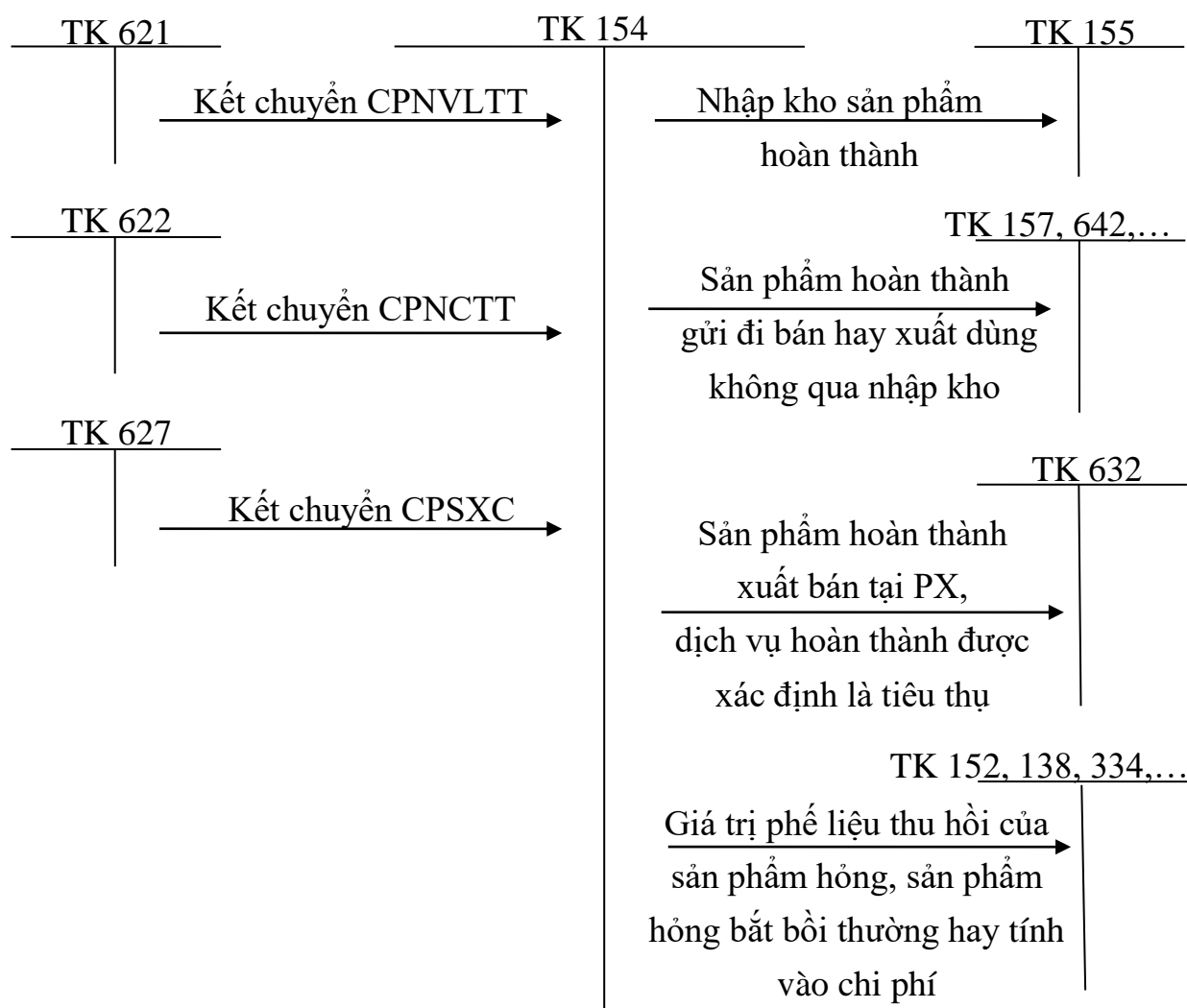
- + Kết chuyển các CPSX phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- + Giá thành sản xuất thực tế của dịch vụ, sản phẩm đã hoàn thành nhập kho, xuất dùng hoặc chuyển đi bán không qua nhập kho thành phẩm.
- + Trị giá phế liệu thu hồi, trị giá sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

*Cuối kỳ, tài khoản 154 có thể có số dư bên Nợ: Chi phí SXKD dở dang.

- ❖ **Sơ đồ hạch toán TK154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:**



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất – dịch vụ kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KCTX

1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- **Đặc điểm của phương pháp KKĐK:**
 - Nguyên vật liệu xuất dùng không được ghi theo từng chứng từ xuất mà được ghi 01 lần vào cuối kỳ dựa vào kết quả kiểm kê theo định khoản:
 - Nợ 621: (Vật liệu dùng sản xuất sản phẩm)
 - Nợ 627: (Vật liệu dùng cho phân xưởng)
 - Có 611: Mua hàng
 - Trình tự và nội dung hạch toán các chi phí sản xuất khác giống với phương pháp kê khai thường xuyên.
 - Tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK154) chỉ sử dụng để kết chuyển số chi phí về sản phẩm làm dở vào lúc đầu kỳ và cuối kỳ.

- Giá thành thực tế của số sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ hoàn thành nhập kho, gửi bán hay bán ngay đều phản ánh trực tiếp vào tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

- Để tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng tài khoản 631 – Giá thành sản xuất.

• **Tài khoản sử dụng:** TK631 – Giá thành sản xuất

❖ **Kết cấu TK631 – Giá thành sản xuất:**

Bên Nợ:

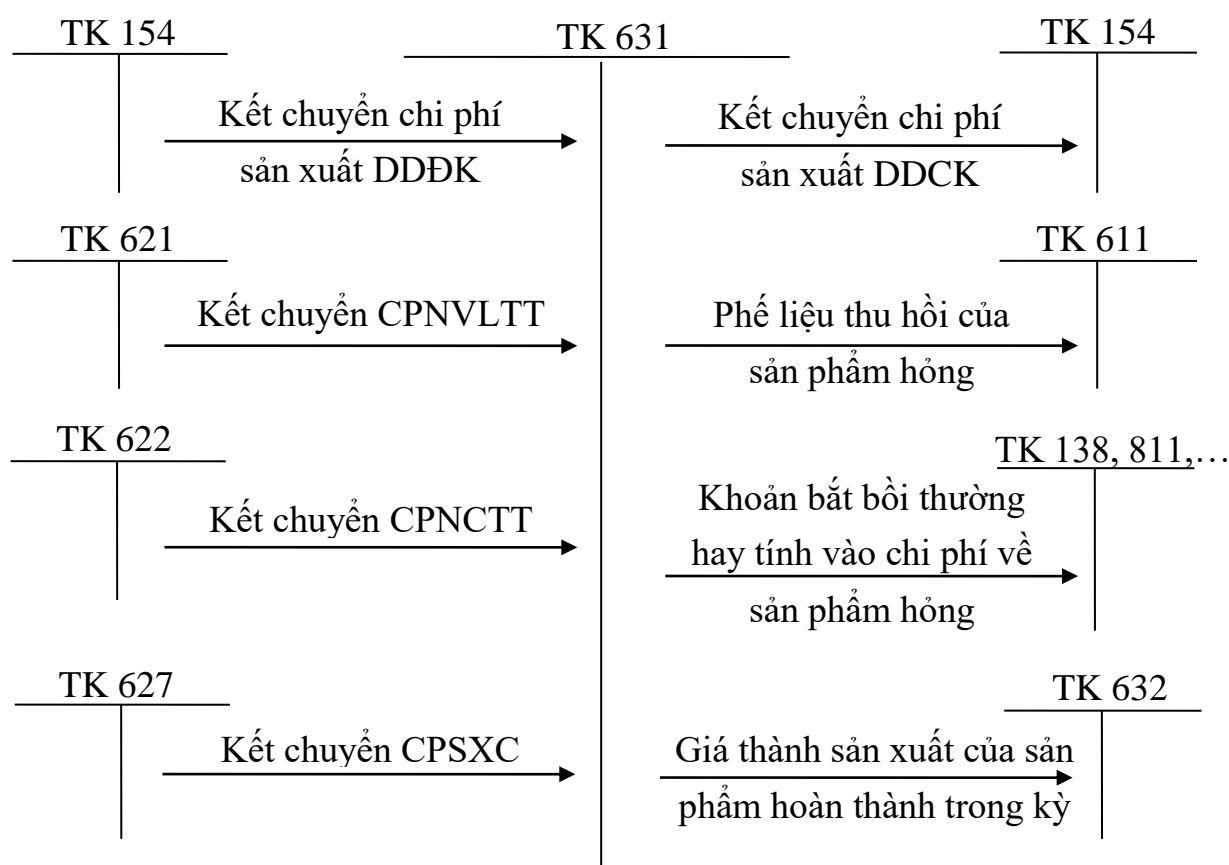
- + Kết chuyển chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ
- + CPSX thực tế phát sinh trong kỳ được tính vào giá thành sản phẩm.

Bên Có:

- + Tổng giá thành sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhập kho, gửi bán hay bán thẳng.
- + Kết chuyển chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

*Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Sơ đồ hạch toán TK631 – Giá thành sản xuất:**



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất – dịch vụ kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK

1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất

1.10.1. Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng

a. Khái niệm:

Sản phẩm hỏng là sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc đã sản xuất xong nhưng không thỏa mãn được các tiêu chuẩn chất lượng và đặc điểm kỹ thuật của sản xuất (về chất lượng, mẫu mã, quy cách). Những sai phạm này có thể do tay nghề lao động, chất lượng nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, máy móc thiết bị đã cũ hỏng hay lỗi thời, ý thức của người lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên,...

b. Phân loại:

Theo mức độ hư hỏng của sản phẩm, sản phẩm hỏng chia thành 2 loại:

+ Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa: Là những sản phẩm mà về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và việc sửa chữa đó có lợi về mặt kinh tế.

+ Sản phẩm hỏng không thể sửa chữa: Là những sản phẩm không thể sửa chữa được hoặc có sửa chữa được nhưng không có lợi về mặt kinh tế.

Trong quan hệ với công tác lập kế hoạch, cả 2 loại sản phẩm hỏng trên được chi tiết thành 2 loại:

+ Sản phẩm hỏng trong định mức: Là những sản phẩm hỏng nằm trong dự kiến xảy ra trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

+ Sản phẩm hỏng ngoài định mức: Là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến xảy ra trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

c. Xác định giá trị thiệt hại thực của sản phẩm hỏng:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị} & & \text{Giá trị} & & \text{Chi phí} & & \text{Giá trị phé} \\ \text{thiệt hại} & & \text{sản phẩm hỏng} & & \text{sản phẩm hỏng} & & \text{liệu thu hồi,} \\ \text{thực về sản} & = & \text{không sửa} & + & \text{có thể sửa} & - & \text{bồi thường} \\ \text{phẩm hỏng} & & \text{chữa được} & & \text{chữa được} & & \text{nếu có} \end{array}$$

d. Phương pháp hạch toán:

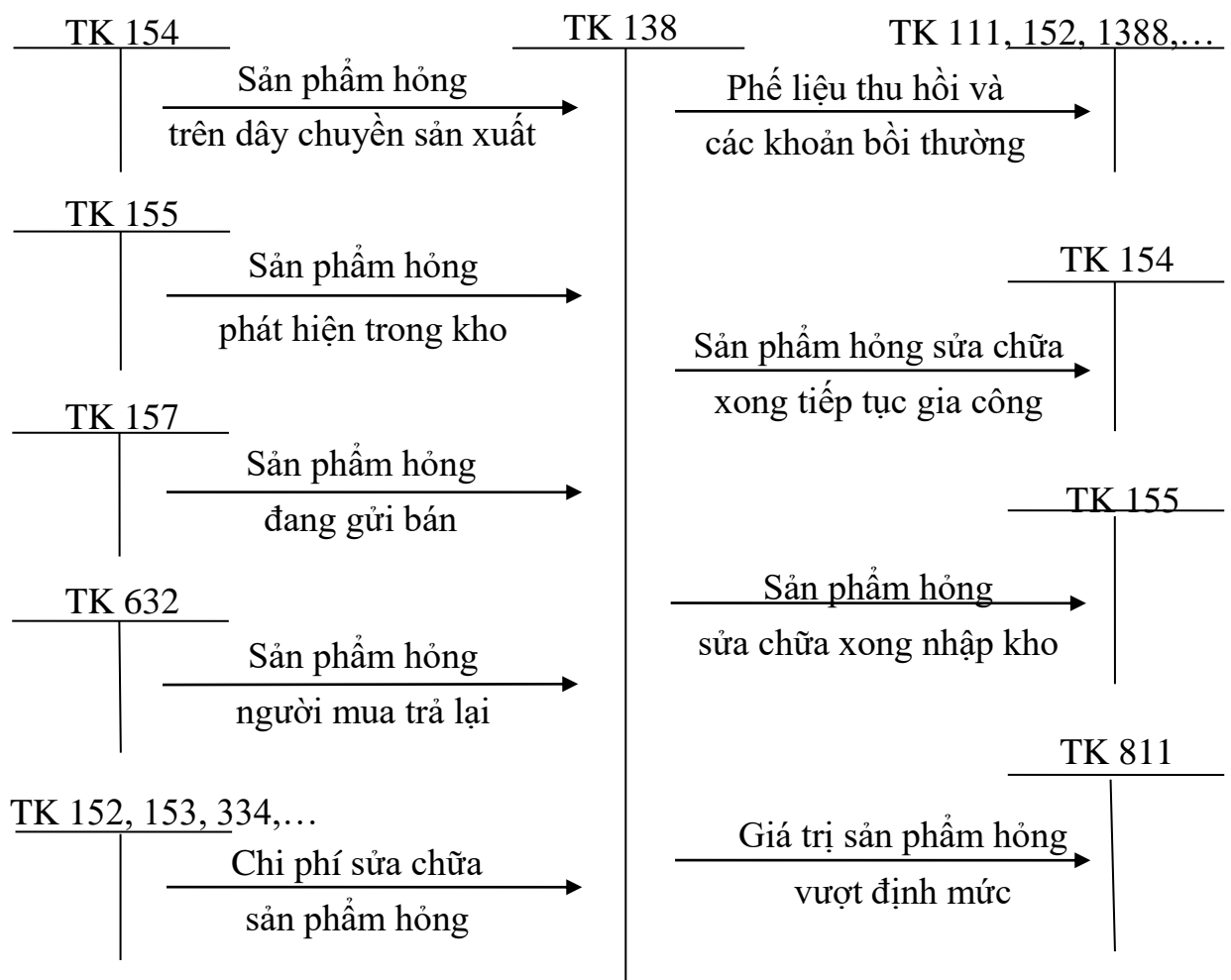
- Giá trị thiệt hại về sản phẩm hỏng phải được hạch toán riêng theo từng sản phẩm trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK154) hay tài khoản phải thu khác (TK138).

- Đối với sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được trong định mức: Chi phí sửa chữa được hạch toán vào những khoản mục chi phí sản xuất phù hợp với nội

dung của từng khoản chi phí sửa chữa để cuối kỳ kết chuyển vào giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ; hoặc theo dõi chi tiết chi phí sửa chữa để tổng hợp toàn bộ chi phí sửa chữa phát sinh, sau đó kết chuyển vào giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

- Đối với sản phẩm hỏng không thể sửa chữa trong định mức: Có thể không tổ chức theo dõi riêng thiệt hại sản phẩm hỏng mà coi như nằm trong giá thành sản phẩm hoàn thành, chỉ ghi giảm chi phí của sản phẩm hoàn thành về khoản phế liệu tận thu được; hoặc tổ chức theo dõi riêng chi phí sản phẩm hỏng và sau đó kết chuyển khoản thiệt hại thực tế vào giá thành sản phẩm hoàn thành.

- Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức: Các khoản chi phí của sản phẩm hỏng ngoài định mức không được hạch toán vào giá thành sản phẩm mà phải coi đó là những khoản chi phí thời kỳ được xử lý phù hợp với những nguyên nhân gây ra.



Sơ đồ 1.6: Hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được

1.10.2. Hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất

a. Khái niệm:

Thiệt hại về ngừng sản xuất là những khoản chi phí mà doanh nghiệp vẫn phải chi trả ra trong thời gian ngừng sản xuất (do thiết bị sản xuất hư hỏng, thiếu nguyên vật liệu, thiên tai, hỏa hoạn,...).

b. Phương pháp hạch toán:

- Với khoản thiệt hại về ngừng sản xuất theo kế hoạch, trong dự kiến (do tính thời vụ, do để bảo dưỡng, sửa chữa máy móc,...), căn cứ vào dự toán để trích trước tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, theo dõi ở tài khoản 335 – Chi phí phải trả.

- Với khoản thiệt hại về ngừng sản xuất đột xuất, kế toán theo dõi riêng trên tài khoản 138 – Phải thu khác.

Cuối kỳ, sau khi trừ phần thu hồi (nếu có), giá trị thiệt hại thực tế không được tính vào giá thành sản phẩm, mà sẽ được tính vào giá vốn hàng bán, vào chi phí khác hay trừ vào quỹ dự phòng tài chính.

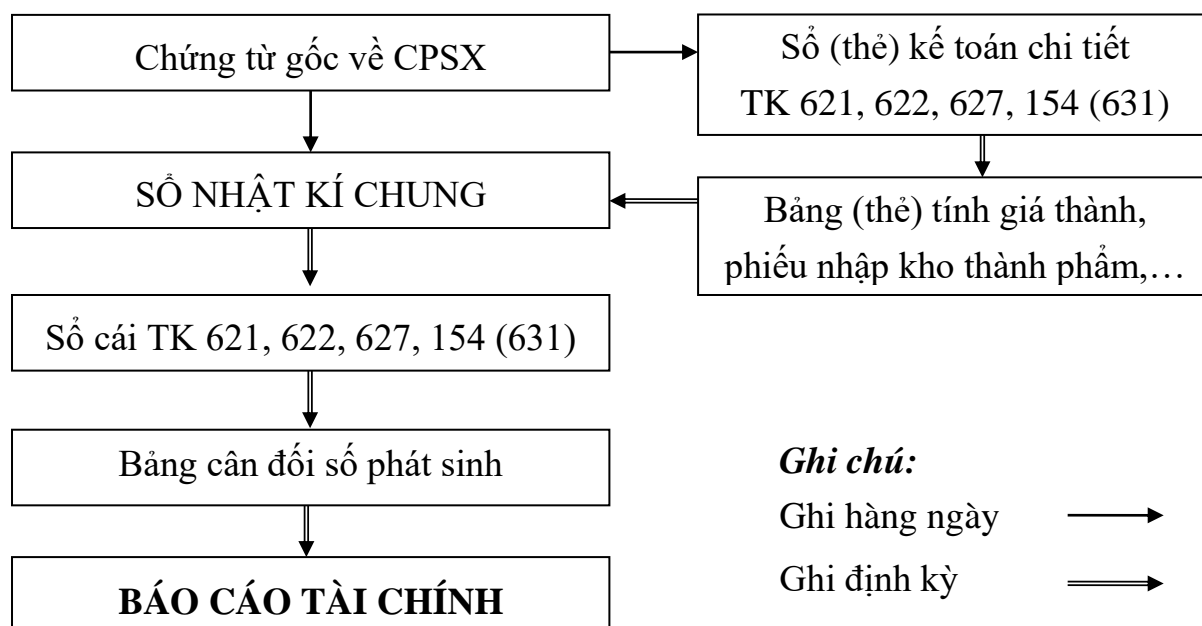
Phần thiệt hại này là chi phí thời kỳ và phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

c. Xác định giá trị thiệt hại về ngừng sản xuất:

$$\text{Giá trị thiệt hại thực tế về ngừng sản xuất} = \text{Tổng giá trị hiện tại về ngừng sản xuất} - \text{Giá trị phế liệu thu hồi và các khoản được bồi thường nếu có}$$

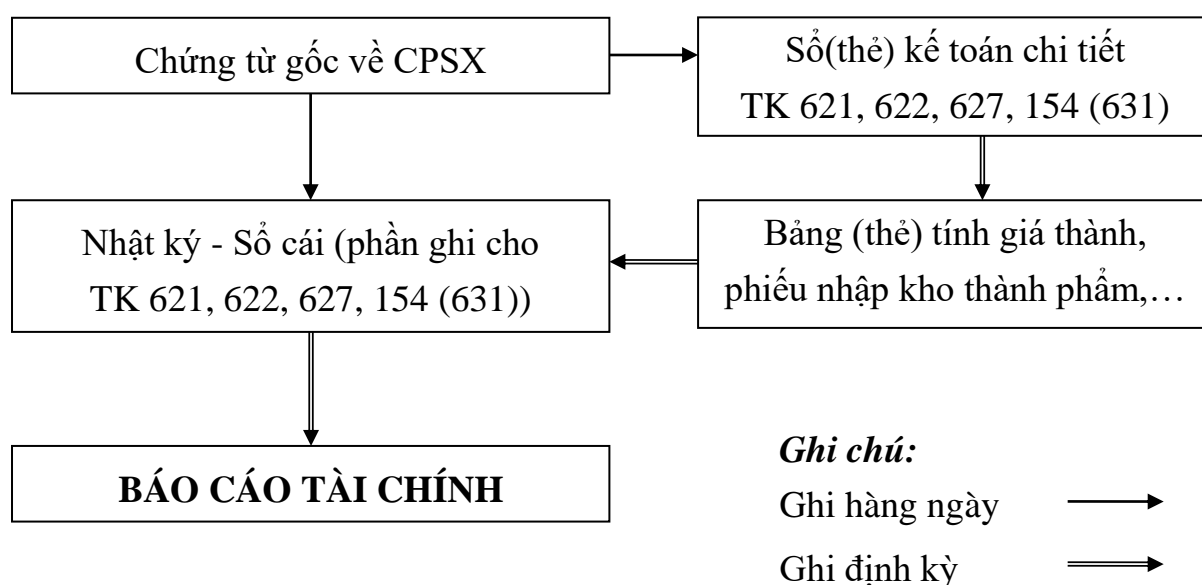
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung



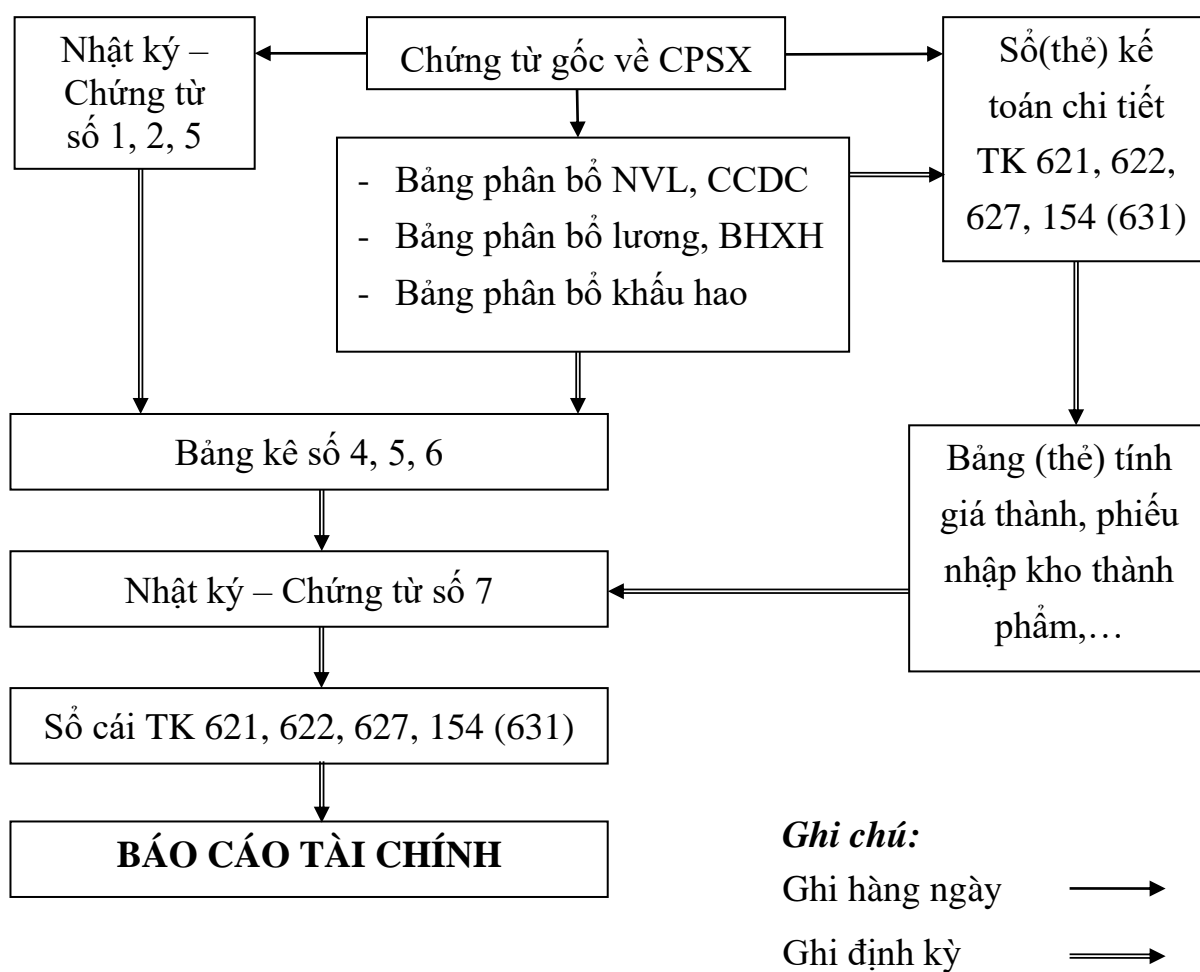
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.11.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



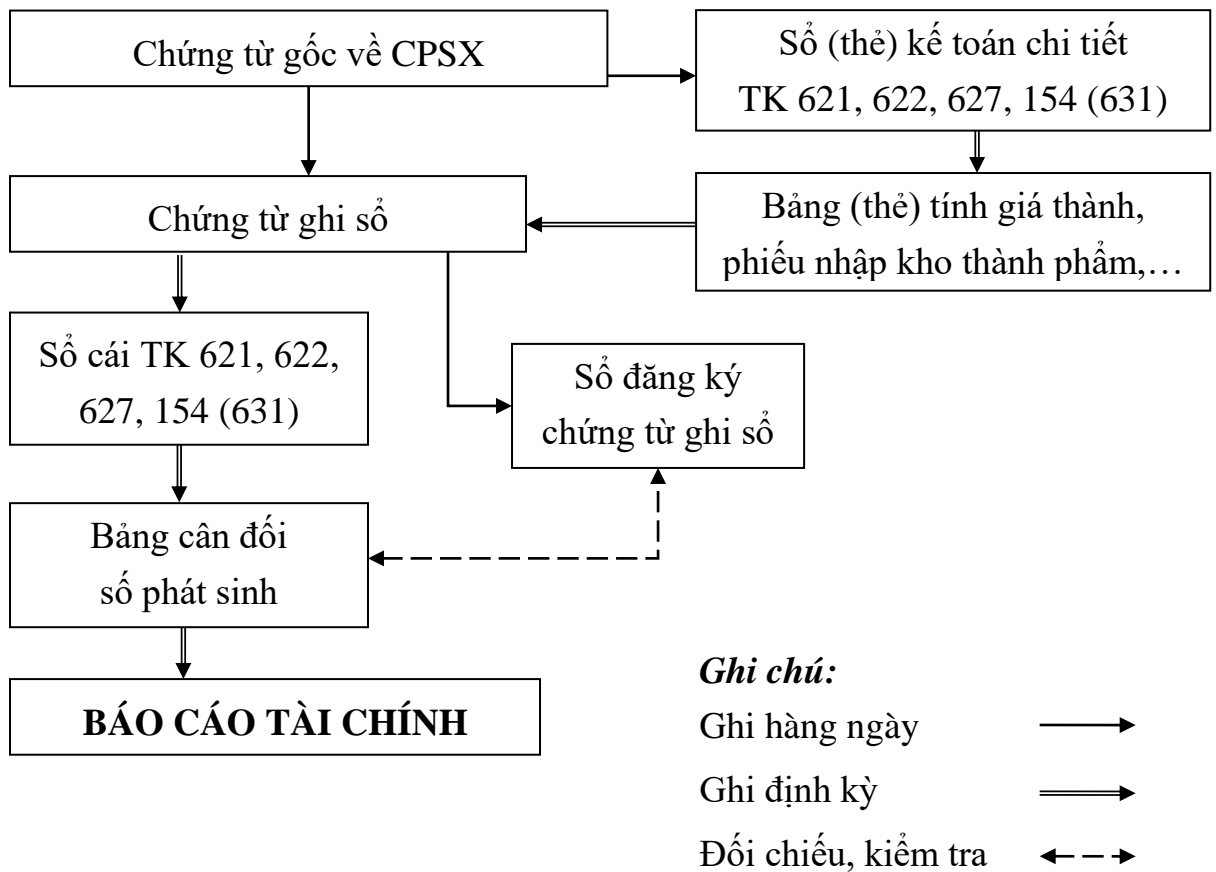
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.11.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



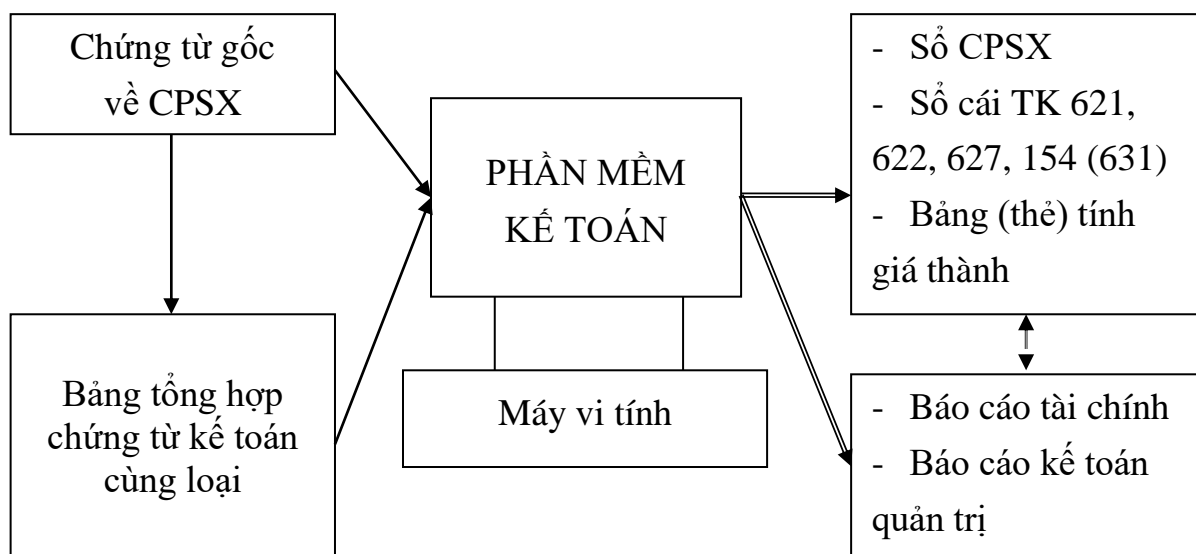
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

1.11.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.11.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ⇨

Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THIÊN PHONG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Khởi điểm là một xưởng gia công cơ khí tư nhân chỉ với 5 công nhân tại xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình hoạt động từ năm 2006. Với kinh nghiệm tích lũy được, ngày 30/09/2014, công ty TNHH cơ khí Thiên Phong được thành lập theo giấy chứng nhận kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

❖ **Thông tin chung:**

- Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí Thiên Phong
- Tên tiếng Anh: Thien Phong Mechanical Company Limited
- Trụ sở chính: Số 7A, ngõ 105, đường Nguyễn Trung Thành, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Tên giao dịch: THIEN PHONG MECHACO
- Ngày hoạt động: 30/09/2014
- Mã số thuế: 0201574999
- Điện thoại: 0313.608.096
- Email: thienphongcompany@gmail.com

❖ **Loại hình doanh nghiệp:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- Gia công cơ khí
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sửa chữa máy móc thiết bị
- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- ...

❖ **Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 2 năm gần đây:**

Bảng 2.1: Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 2 năm gần đây

Chỉ tiêu	ĐVT	Số các năm	
		2014	2015
Vốn kinh doanh bình quân	Đồng	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng doanh thu	Đồng	273.660.000	4.396.832.800
Tổng doanh thu thuần	Đồng	273.660.000	4.396.832.800
Tổng GVHB	Đồng	228.898.024	4.051.126.835
Tổng lợi nhuận gộp	Đồng	44.761.976	345.705.965
Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	(4.152.746)	8.075.682
Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	Đồng	5.124.892	6.874.056

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

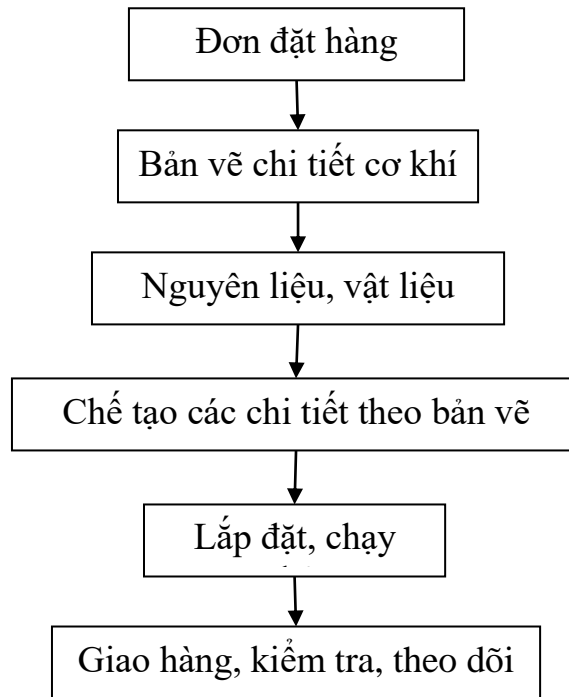
Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong nhận sản xuất hầu hết các sản phẩm cơ khí. Sản phẩm chủ yếu là các cấu kiện kim loại và các máy công nghiệp, đa dạng về chủng loại.

Một số sản phẩm mà công ty sản xuất trong thời gian gần đây:

- Trục con lăn
- Bánh răng
- Xe đẩy hàng
- Máy thử van cầu UPVC, máy thử van PPR
- Máy nâng phụ tùng tự động từ Ø63 ÷ Ø25
- Dây truyền máy ép đùn Solex 60-40
- Bộ đầu bịt thử áp Ø1200, Ø500
- Máy ép phun Hyundai

...

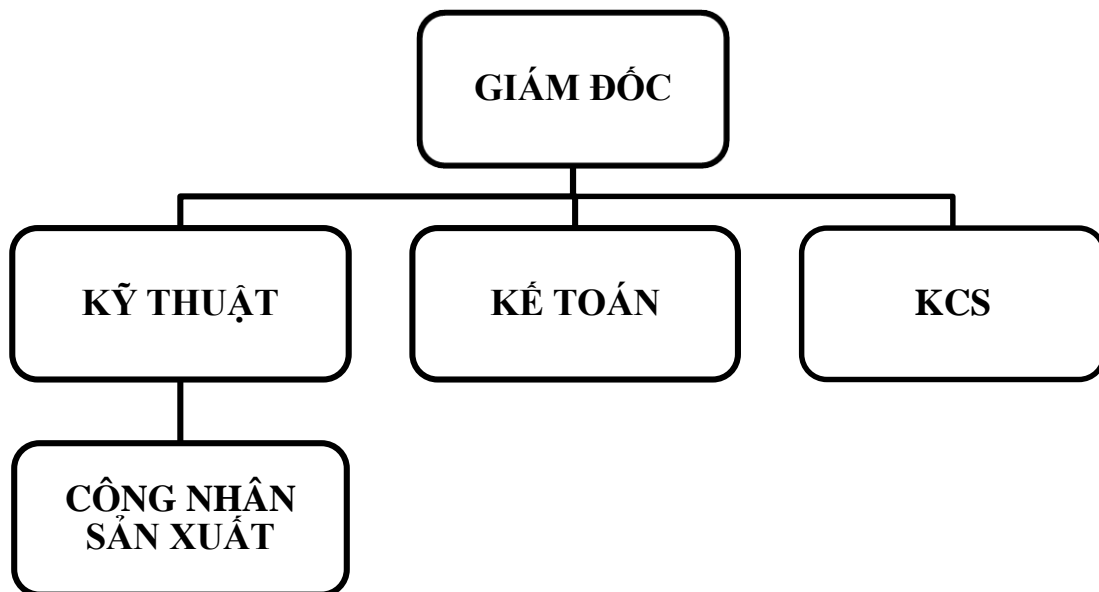
Phân xưởng sản xuất chính của doanh nghiệp đặt trên đường 5 mới, thuộc quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Các sản phẩm thường sản xuất tại phân xưởng, một số sản xuất tại địa điểm của khách hàng.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình sản xuất chung tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

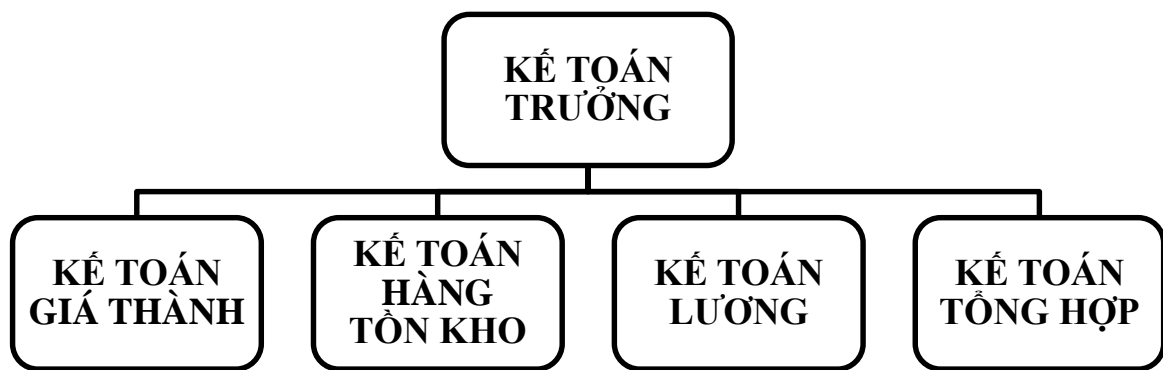


2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

2.1.4.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong được tổ chức theo mô hình tập trung, chịu trách nhiệm về:

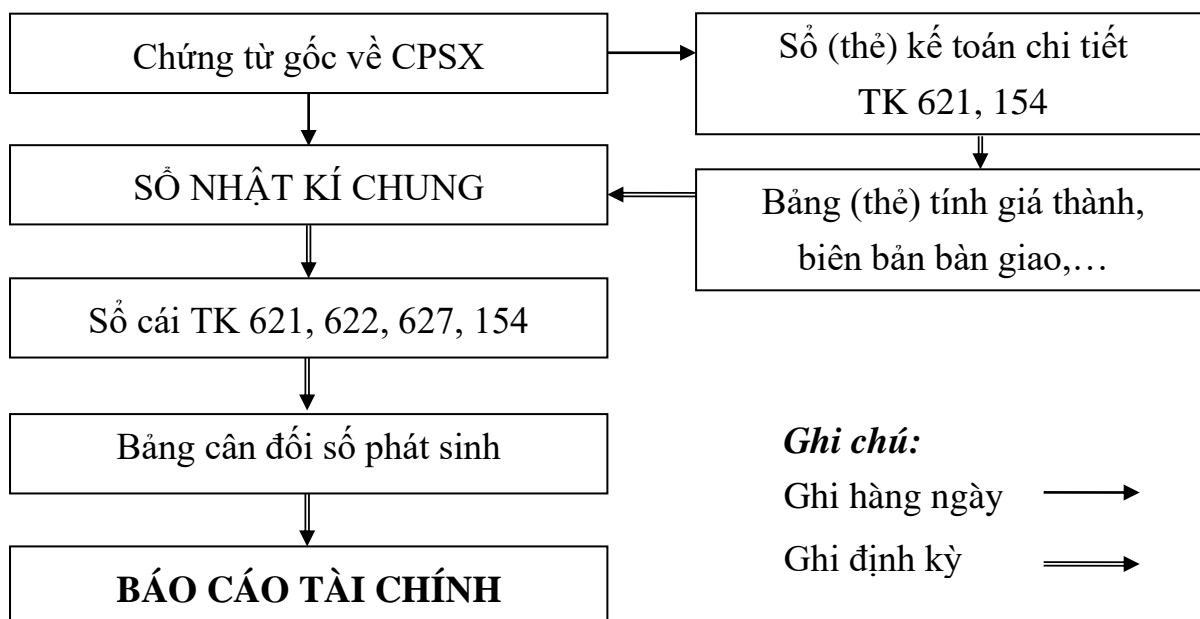
- Công tác kế toán tài chính trong công ty.
- Tính giá thành sản phẩm.
- Theo dõi hàng tồn kho, quản lí các chứng từ.
- Tính lương và các khoản trích theo lương cho công nhân viên trong công ty.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật kí chung.



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong theo hình thức kế toán Nhật kí chung

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và những quy định của Nhà nước, công ty TNHH cơ khí Thiên Phong phân loại chi phí sản xuất thành 3 khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

*Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong:

+ Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng thì được tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó.

+ Các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng mà không tách riêng được thì được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong sản xuất theo đơn đặt hàng, do vậy:

- Đối tượng tập hợp chi phí: Từng đơn đặt hàng.
- Đối tượng tính giá thành sản phẩm: Sản phẩm của từng đơn đặt hàng.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong tính giá thành sản phẩm theo phương pháp đơn đặt hàng, kỳ tính giá thành là hàng tháng.

Do công ty sản xuất theo đơn đặt hàng nên việc tính giá thành chỉ được tiến hành khi đơn đặt hàng đã hoàn thành. Đến cuối tháng, toàn bộ những chi phí đã tập hợp cho đơn hàng chưa hoàn thành được coi là chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

$$\text{Tổng giá thành} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Tổng chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm}}$$

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Để mô tả cho dòng chảy của dữ liệu kế toán, bài viết tập trung chủ yếu vào việc thu thập, mô tả dữ liệu về chi phí sản xuất và tính giá thành cho sản phẩm Dàn lạnh 10.000x480.

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

CPNVLTT của công ty bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất sản phẩm.

VD: Tôn tấm, thép góc, thép tấm, chày, rúc cao su, tôn inox,...

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn bán hàng thông thường hoặc hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu xuất kho

...

- **Tài khoản sử dụng:** TK621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK152
- Sổ chi tiết TK621
- Sổ cái TK621

...

- **Nội dung hạch toán:**

Ngày 29/5/2015, công ty nhận đơn hàng số 050/TNTP-TP, về chế tạo 01 Dàn lạnh 10.000x480.

Khi nhận được yêu cầu sản xuất, kỹ thuật viên sử dụng các phần mềm AutoCAD, Ansys,... tạo bản vẽ chi tiết sản phẩm. Dựa vào tính toán theo bản vẽ thiết kế và số lượng sản phẩm sản xuất để ước lượng số nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất đơn hàng.

Căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất sản phẩm, bộ phận sản xuất lập phiếu xin lĩnh vật tư. Sau khi giám đốc duyệt, công ty đàm phán và ký hợp đồng mua hàng với nhà cung cấp nguyên vật liệu. Hóa đơn GTGT được giao cho kế toán để ghi sổ kế toán. Khi số lượng nguyên vật liệu trong kho đủ để bắt đầu sản xuất, kế toán lập phiếu xuất kho rồi chuyển cho thủ kho tiến hành xuất vật tư sản xuất sản phẩm.

Biểu số 2.1: Dự toán vật tư cho 01 Dàn lạnh 10.000x480

Dự toán vật tư

Đơn hàng: 050/TNTP-TP

STT	Mã	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng
		Vật liệu chính		
1	VLC006	Tôn inox 304	Kg	4.765
2	VLC011	Tôn cắt mã các loại	Kg	4.152
3	VLC009	Thép tấm	Kg	410
		Vật liệu phụ		
1	VLP004	Sơn chống rỉ Nasa loại 10	Hộp	18
2	VLP005	Sơn ghi nhật Nasa loại 10	Hộp	16
3	VLP027	Dây hàn SF	Kg	42,1
4	VLP019	Dây hàn inox	Kg	3
5	VLP021	Que hàn inox 2,5 ly	Kg	16,7
6	VLP022	Que hàn inox 3,2 ly	Kg	21

(Nguồn: Xưởng sản xuất công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Ví dụ 2.1: Ngày 3/6/2015, mua 5.000 kg thép tấm nhập kho của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát theo hóa đơn GTGT số HD0000148 (biểu số 2.2), giá thanh toán 57.376.000 đồng, chưa thanh toán.

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số HĐ0000148

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao người mua			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 03 tháng 06 năm 2015			Số: 0000148		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT					
Mã số thuế: 0200576471					
Địa chỉ: Tổ 30 khu 3, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.850.785					
Số tài khoản: 9493249 tại NH Á Châu – Quán Toan Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phong					
Mã số thuế: 0201574999					
Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Thép tấm	Kg	5.000	10.432	52.160.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		5.216.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				57.376.000	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Khi nhận được hàng, người phụ trách lập Phiếu nhập kho (biểu số 2.3) theo hóa đơn số HD0000148 (biểu số 2.2) rồi giao cho thủ kho tiến hành kiểm nhận, nhập hàng, ghi sổ.

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho số PN115

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong				Mẫu số 01-VT			
Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, ...				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 03 tháng 06 năm 2015							
Số: 115							
Họ tên người giao: Lê Thanh Tùng							
Theo hóa đơn GTGT số 0000148 ngày 03 tháng 06 năm 2015							
Nội dung: Nhập thép tấm							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, SP, HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Thép tấm	VLC009	Kg	5.000	5.000	10.432	52.160.000
Cộng							52.160.000
Tổng số tiền (viết bằng chữ): <i>Năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.</i>							
Kèm theo:							
Người lập phiếu				Ngày 03 tháng 06 năm 2015			
(Đã ký)		Người giao hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào phiếu nhập kho số PN115 (biểu số 2.3) kế toán ghi vào Sổ chi tiết TK152 như biểu số 2.4:

Biểu số 2.4: Trích Sổ chi tiết TK152

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành,...

Mẫu số S10-DN(Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 06 năm 2015

Tài khoản: 1521

Tên kho: VT1

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép tấm

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>10.250</u>					<u>287,5</u>	<u>2.946.875</u>	
PN115	3/6	Nhập kho thép tấm	331	10.432	5.000	52.160.000			5.287,5	55.106.875	
PX134	3/6	Xuất cho sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	621	10.250			287,5	2.946.875	5.000	52.160.000	
				10.432			122,5	1.277.920	4877,5	50.882.080	
...
		Cộng			7.500	78.910.000	6.119,1	64.004.995	1.668,4	17.851.880	
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							<u>1.668,4</u>	<u>17.851.880</u>	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Ví dụ 2.2: Ngày 3/6, xuất kho nguyên vật liệu chính cho sản xuất đơn hàng số 050/TNTP-TP theo Phiếu xuất kho số PX134 như biểu số 2.5:

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số PX134

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong		Mẫu số 02-VT (Ban hành theo					
Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn		Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày					
Trung Thành, P. Hùng Vương,...		22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 03 tháng 06 năm 2015							
Số 134							
Họ tên người nhận: Bùi Văn Quang							
Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất							
Lí do xuất: Xuất kho NVL chính sản xuất Dàn lạnh 10.000x480							
Xuất tại kho: VT1							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, SP, HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn inox 304	VLC006	Kg	4.765	4.765	50.000	238.250.000
2	Tôn cắt mã các loại	VLC011	Kg	4.152	4.152		37.643.500
3	Thép tấm	VLC009	Kg	410	410		4.224.795
	Cộng	X	x	x	x	x	280.118.295
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm tám mươi triệu một trăm mười tám nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng./.							
Kèm theo:							
				Ngày 03 tháng 06 năm 2015			
Người lập phiếu		Người giao hàng		Thủ quỹ		Kế toán trưởng	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Trị giá thép tấm xuất kho ở Phiếu xuất số PX134 (biểu số 2.5) tính theo phương pháp Nhập trước – xuất trước được ghi theo Phiếu tính giá xuất kho số 34/06 như biểu số 2.6:

Biểu số 2.6: Phiếu tính giá xuất kho

PHIẾU TÍNH GIÁ XUẤT KHO

Số: 34/06

Ngày 03 tháng 06 năm 2015

Tên, quy cách nguyên vật liệu: Thép tấm

Căn cứ vào Sổ chi tiết TK152 mở cho Thép tấm.

Số lượng xuất kho theo Phiếu xuất số PX134 là: 410kg

Trong đó:

Lấy ở	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
Tồn đầu tháng	287,5	Kg	10.250	2.946.875
Lần nhập ngày 3/6	122,5	Kg	10.432	1.277.920
Cộng	410	x	x	4.224.795

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Ví dụ 2.3: Ngày 3/6, xuất kho nguyên vật liệu phụ cho sản xuất đơn hàng số 050/TNTP-TP theo Phiếu xuất kho số PX135 như biểu số 2.7:

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số PX135

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong		Mẫu số 02-VT (Ban hành theo					
Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn		Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày					
Trung Thành, P. Hùng Vương,...		22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 03 tháng 06 năm 2015							
Số 135							
Họ tên người nhận: Bùi Văn Quang							
Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất							
Lí do xuất: Xuất kho NVL phụ sản xuất Dàn lạnh 10.000x480							
Xuất tại kho: VT1							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, SP, HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Sơn chống rỉ Nasa 10	VLP004	Hộp	18	18	198.000	3.564.000
2	Sơn ghi nhạt Nasa 10	VLP005	Hộp	16	16	224.000	3.584.000
3	Dây hàn SF	VLP027	Kg	42,1	42,1	36.400	1.531.250
4	Dây hàn inox	VLP019	Kg	3	3	105.000	315.000
5	Que hàn inox 2,5 ly	VLP021	Kg	16,7	16,7	147.000	2.454.900
6	Que hàn inox 3,2 ly	VLP022	Kg	21	21	120.000	2.520.000
	Cộng	X	x	x	x	x	13.969.150
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng chẵn./.							
Kèm theo:							
				Ngày 03 tháng 06 năm 2015			
Người lập phiếu		Người giao hàng		Thủ quỹ		Kế toán trưởng	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

➤ Căn cứ vào phiếu xuất kho số PX134 (biểu số 2.5) và PX135 (biểu số 2.7) kế toán ghi Sổ chi tiết TK621 như biểu số 2.8:

Biểu số 2.8: Trích sổ chi tiết TK621

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành,...

Mẫu số S36-DN (Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 621

Tên sản phẩm: Dàn lạnh 10.000x480

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Ghi Nợ TK621					
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra				
						Tôn inox 304	...	Thép tấm	...	Que hàn inox
			<u>Số dư đầu tháng</u>		=	=	...	=	...	=
03/ 06	PX134	03/ 06	Xuất NVL chính sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	1521	280.118.295	238.250.000	...	4.224.795		
03/ 06	PX135	03/ 06	Xuất NVL phụ sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	1522	13.969.150				...	2.520.000
			Cộng PS tháng		294.087.445	238.250.000	...	4.224.795	...	2.520.000
			Ghi Có TK621	154	294.087.445					
			<u>Số dư cuối tháng</u>		=					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ các chứng từ gốc: Hóa đơn GTGT số HD0000148 (biểu số 2.2), Phiếu nhập kho số PN115 (biểu số 2.3), Phiếu xuất kho số PX134 (biểu số 2.5), Phiếu xuất kho số PX135 (biểu số 2.7), kế toán ghi vào vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.9:

Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số S03-DN (Ban hành theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
03/ 06	PN11 5	03/ 06	Mua thép tấm nhập kho	152	52.160.000	
	HD01 48			133	5.216.000	
				331		57.376.000
...
03/ 06	PX13 4	03/ 06	Xuất NVL chính sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	621	280.118.295	
				152		280.118.295
03/ 06	PX13 5	03/ 06	Xuất NVL phụ sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	621	13.969.150	
				152		13.969.150
...
			Cộng phát sinh tháng 6		3.917.203.455	3.917.203.455
...
			Cộng năm		44.097.281.461	44.097.281.461

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9), kế toán ghi vào Sổ cái TK621 như biểu số 2.10:

Biểu số 2.10: Trích Sổ cái TK621

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		=	
...
03 / 06	PX1 34 /	03 / 06	Xuất NVL chính sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	152	280.118.295	
03 / 06	PX1 35 /	03 / 06	Xuất NVL phụ sản xuất Dàn lạnh 10.000x480	152	13.969.150	
...
			Cộng phát sinh tháng		415.643.112	415.643.112
			Cộng phát sinh năm		4.007.711.365	4.007.711.365
			<u>Số dư cuối năm</u>		=	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

2.2.4.2. *Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong*

CPNCTT của công ty bao gồm các chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào sản xuất sản phẩm như: Lương chính, phụ cấp, và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng trích các khoản theo lương

...

- **Tài khoản sử dụng:** TK622 – Chi phí nhân công trực tiếp

- **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK622
- Sổ cái TK334
- Sổ cái TK338

...

- **Nội dung hạch toán:**

Để mô tả về công tác hạch toán lương của công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, số liệu trình bày dưới đây được lấy ở phân xưởng sản xuất.

⇒ Hàng ngày nhân viên phụ trách chấm công thực hiện chấm công vào Bảng chấm công như biểu số 2.11:

Biểu số 2.11: Trích Bảng chấm công phân xưởng sản xuất

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất

TRÍCH BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 06 năm 2015

Số TT	Họ và tên	Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc, chức vụ	Ngày trong tháng														Quy ra công	
			1	2	3	4	5	6	7	...	24	25	26	27	28	29		30
1	Lê Văn Minh	Kỹ thuật viên	+	+	+	+	+	+		...	+	+	+	+		+	+	26
2	Trần Văn Hải	Công nhân sx	+	+	+	+	+	+		...	+	+	+	+		+	+	26
3	Bùi Văn Quang	Công nhân sx	+	+	+	+	+	+		...	+	+	+	+		+	+	26
4	Nguyễn Hoàng Tuấn	Công nhân sx	+	+	+	+	+	+		...	+	+	+	+		+	+	26
...
12	Lê Thanh Tùng	Công nhân sx	+	+	+	+	+	+		...	+	+	+	+		+	+	26

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Cuối tháng, chuyển Bảng chấm công (biểu số 2.11) cho kế toán. Căn cứ vào Bảng chấm công, quy định trong Hợp đồng lao động, kế toán lập Bảng lương cho phân xưởng sản xuất như biểu 2.12:

Biểu số 2.12: Trích Bảng thanh toán tiền lương Phân xưởng sản xuất

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất

TRÍCH BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 06 năm 2015

Số TT	Họ tên	Chức danh	Lương chính			Phụ cấp ăn trưa	Tổng thu nhập	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản giảm trừ vào lương (10.5%)	Thực lĩnh	
			Số công	Lương hợp đồng	Lương thực tế					Số tiền	Ký nhận
1	Lê Văn Minh	KTV	26	7.280.000	7.280.000	390.000	7.670.000	3.317.000	348.285	7.321.715	(ĐK)
2	Trần Văn Hải	CN	26	6.500.000	6.500.000	390.000	6.890.000	3.317.000	348.285	6.541.715	(ĐK)
3	Bùi Văn Quang	CN	26	6.500.000	6.500.000	390.000	6.890.000	3.317.000	348.285	6.541.715	(ĐK)
4	Nguyễn Hoàng Tuấn	CN	26	3.150.000	3.150.000	390.000	3.540.000	3.317.000	348.285	3.191.715	(ĐK)
...
12	Lê Thanh Tùng	CN	26	4.940.000	4.940.000	390.000	5.330.000	3.317.000	348.285	4.981.715	(ĐK)
	Cộng				68.986.667	4.680.000	73.666.667	39.804.000	4.179.420	69.487.247	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Bảng lương Phân xưởng sản xuất (biểu số 2.12), kế toán lập Bảng trích các khoản theo lương cho phân xưởng sản xuất như biểu số 2.13:

Biểu số 2.13: Trích Bảng trích các khoản theo lương Phân xưởng sản xuất

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất

TRÍCH BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG

Tháng 06 năm 2015

S TT	Họ và tên	Lương đóng BH	Trừ vào lương				Tính vào chi phí					Cộng Có TK338 (34,5%)
			BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (10,5%)	KPCĐ (2%)	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng (24%)	
1	Lê Văn Minh	3.317.000	265.360	49.755	33.170	348.285	66.340	597.060	99.510	33.170	796.080	1.144.365
2	Trần Văn Hải	3.317.000	265.360	49.755	33.170	348.285	66.340	597.060	99.510	33.170	796.080	1.144.365
3	Bùi Văn Quang	3.317.000	265.360	49.755	33.170	348.285	66.340	597.060	99.510	33.170	796.080	1.144.365
...
12	Lê Thanh Tùng	3.317.000	265.360	49.755	33.170	348.285	66.340	597.060	99.510	33.170	796.080	1.144.365
	Cộng	39.804.000	3.184.320	597.060	398.040	4.179.420	796.080	7.164.720	1.194.120	398.040	9.552.960	13.732.380

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

- **Cách tính lương và các khoản trích theo lương:**

Hình thức tính tiền lương tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong:

Hiện nay công ty trả lương theo hình thức thời gian, căn cứ vào giờ làm việc thực tế để trả lương cho người lao động.

Lương thời gian = Đơn giá x Ngày công thực tế

– Tiền thưởng và các khoản phụ cấp:

Tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, người lao động còn có thể được hưởng các khoản phụ cấp tiền ăn giữa ca 15.000 đồng/bữa, tiền hỗ trợ xăng xe.

– Các khoản trích theo lương:

Các khoản trích theo lương được tính trên lương tối thiểu vùng năm 2015 theo quy định hiện hành. Theo Nghị định số 103/2014/NĐ-CP, mức lương tối thiểu tại Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng thuộc khu vực I là 3.100.000 đồng. Tất cả công nhân viên đều đã qua đào tạo.

Vậy các khoản trích theo lương được tính trên số tiền:

$$3.100.000 + 3.100.000 \times 7\% = 3.317.000 \text{ (đồng/người)}$$

- **Ví dụ về cách tính lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong:**

Anh Bùi Văn Quang là công nhân sản xuất. Theo hợp đồng, lương cơ bản là 6.500.000 đồng/tháng, phụ cấp tiền ăn giữa ca là 15.000 đồng/bữa. Trong tháng 6/2015, anh đi làm đủ 26 ngày. Anh nhận được:

Tiền lương cơ bản: $26 \times 6.500.000 / 26 = 6.500.000$ (đồng)

Tiền phụ cấp tương ứng: $26 \times 15.000 = 390.000$ (đồng)

Tổng lương: $6.500.000 + 390.000 = 6.890.000$ (đồng)

Phần BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương (10,5%) tính trên 3.317.000 đồng là: $3.317.000 \times 10,5\% = 348.285$ (đồng)

Vậy tổng thu nhập thực lĩnh là: $6.890.000 - 348.285 = 6.541.715$ (đồng)

⇒ Căn cứ vào Bảng lương (biểu số 2.12) và Bảng trích các khoản theo lương (biểu số 2.13) của phân xưởng sản xuất và các bộ phận khác, kế toán lập Bảng tổng hợp lương toàn doanh nghiệp như biểu số 2.14:

Biểu số 2.14: Bảng tổng hợp lương toàn doanh nghiệp

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG

Tháng 06 năm 2015

S TT	Bộ phận	Tổng thu nhập	Tổng thu nhập thực nhận	Trừ vào lương				Tính vào chi phí				
				BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (10,5%)	KPCĐ (2%)	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng (24%)
1	Phòng quản lý	23.725.000	22.680.145	796.080	149.265	99.510	1.044.855	199.020	1.791.180	298.530	99.510	2.388.240
2	Phân xưởng sản xuất	73.666.667	69.487.247	3.184.320	597.060	398.040	4.179.420	796.080	7.164.720	1.194.120	398.040	9.552.960
	Cộng toàn DN	97.391.667	92.167.392	3.980.400	746.325	497.550	5.224.275	995.100	8.955.900	1.492.650	497.550	11.941.200

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Bảng tổng hợp lương toàn doanh nghiệp (biểu số 2.14), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.15:

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số S03-DN (Ban hành theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
30/ 06	BTH L06	30/ 06	Tính lương tháng 6	622	73.666.667	
				642	23.725.000	
				334		97.391.667
30/ 06	BTH L06	30/ 06	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 6	622	9.552.960	
				642	2.388.240	
				334	5.224.275	
				338		17.165.475
...
			Cộng phát sinh tháng 6		3.917.203.455	3.917.203.455
...
			Cộng năm		44.097.281.461	44.097.281.461

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.15), kế toán ghi Sổ cái TK622 như biểu số 2.16:

Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK622

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		=	
...
30/ 06	BTH L06	30/ 06	Tính lương tháng 6	334	73.666.667	
30/ 06	BTH L06	30/ 06	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 6	338	9.552.960	
...
			Cộng phát sinh tháng		83.219.627	83.219.627
			Cộng phát sinh năm		989.864.064	989.864.064
			<u>Số dư cuối năm</u>		=	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

2.2.4.3. *Hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong*

CPSXC tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong là những chi phí cần thiết khác để phục vụ sản xuất sản phẩm phát sinh tại các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp, bao gồm: Tiền thuê nhà xưởng, lương nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu sản xuất chung, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền,...

- **Tài khoản sử dụng:** TK627 – Chi phí nhân sản xuất chung

Chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

TK6271 – Chi phí nhân viên phân xưởng

TK6272 – Chi phí vật liệu

TK6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

TK6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ

TK6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK6278 – Chi phí bằng tiền khác

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng trích các khoản theo lương
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Bảng tính và phân bổ khấu hao

...

- **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK627

- **Nội dung hạch toán:**

a. Chi phí dụng cụ sản xuất:

Ví dụ 2.4: Ngày 15/6, chi tiền mặt theo Phiếu chi số PC006 (biểu số 2.18) mua 5 mũn khoan của công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Văn Ngọc, theo hóa đơn GTGT số HD0000156 (biểu số 2.17) xuất thẳng cho sản xuất, tổng giá thanh toán 495.000 đồng.

Biểu số 2.17: Hóa đơn GTGT số HĐ0000367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao người mua			Ký hiệu: AA/14P		
Ngày 15 tháng 06 năm 2015			Số: 0000367		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Văn Ngọc					
Mã số thuế: 0201158886					
Địa chỉ: Số 27 ngõ 166 Chùa Hàng, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Điện thoại:			Fax:		
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phong					
Mã số thuế: 0201574999					
Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Mũi khoan	Cái	05	90.000	450.000
Cộng tiền hàng:					450.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			45.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					495.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Biểu số 2.18: Phiếu chi số PC006

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung
Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số 02-TT (Ban hành

theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 06 năm 2015

Quyển số:

Số: PC006

Nợ:

Có:

Họ và tên người nhận tiền: **Bùi Văn Quang**

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền mua Mũi khoan.

Số tiền: 495.000 Viết bằng chữ: *Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn./.*

Kèm theo:

Ngày 15 tháng 06 năm 2015

Giám đốc
(Đã ký và
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Thủ quỹ
(Đã ký)

Người lập
phiếu
(Đã ký)

Người nhận
tiền
(Đã ký)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Chín mươi chín triệu bốn trăm chín mươi
nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng./.*

- Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):
- Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

b. Chi phí dụng cụ sản xuất:

Ví dụ 2.5: Ngày 30/6, phân bổ chi phí công cụ dụng cụ tháng 6/2015 theo Bảng phân bổ công cụ dụng cụ như biểu số 2.19:

Biểu số 2.19: Trích Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 06 năm 2015

S TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian sử dụng	Giá trị PB tháng này	Tổng giá trị PB lũy kế	Giá trị còn lại
	Phòng quản lý				8.334.290		595.320	3.650.768	4.683.522
1	Máy in Laser M125A	Cái	01	2.890.000	2.890.000	18 tháng	160.556	892.149	1.997.851
...
	Phân xưởng sản xuất				29.428.000		14.298.150	17.902.462	11.525.538
1	Mô tơ 0,4KW	Cái	01	2.000.000	4.000.000	4 tháng	1.000.000	2.498.607	1.501.393
2	Pa-lăng 1 tấn	Cái	01	9.000.000	9.000.000	30 tháng	300.000	1.676.408	7.323.592
...
	Cộng toàn doanh nghiệp				37.762.290		14.893.470	21.553.230	16.209.060

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

c. Chi phí khấu hao TSCĐ:

Ví dụ 2.6: Ngày 30/6, trích khấu hao TSCĐ tháng 6/2015. Bộ phận quản lý của công ty không có TSCĐ đang trích khấu hao nên số khấu hao TSCĐ trích trong Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ như biểu số 2.20:

Biểu số 2.20: Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Mẫu số 01-TSCĐ (Ban hành theo

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 06 năm 2015

Số TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao (%) hoặc thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK627 – Chi phí sản xuất chung
			Toàn DN		
			Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao	
A	B	1	2	3	4
1	I – Số khấu hao trích tháng trước		335.000.000	7.483.041	7.483.041
2	II – Số KH TSCĐ tăng trong tháng		-	-	-
3	III – Số KH TSCĐ giảm trong tháng		-	-	-
4	IV – Số KH TSCĐ trích tháng này		335.000.000	7.483.041	7.483.041
	Cộng		335.000.000	7.483.041	7.483.041

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

d. Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Ví dụ 2.7: Ngày 5/6, thanh toán tiền điện thoại phân xưởng tháng 5/2015 cho công ty Viễn thông Hải Phòng theo Hóa đơn GTGT số HD0003605 (biểu số 2.22) 180.000 đồng bằng tiền mặt theo Phiếu chi số PC002 (biểu số 2.21).

Biểu số 2.21: Phiếu chi số PC002

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong		Mẫu số 02-TT (Ban hành		
Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung		theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		
Thành, P. Hùng Vương,...		ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
PHIẾU CHI				
<i>Ngày 05 tháng 6 năm 2015</i>				
Quyển số:				
Số: PC002				
Nợ:				
Có:				
Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Nga				
Địa chỉ:				
Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 5/2015				
Số tiền: 180.000 <i>Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.</i>				
Kèm theo:				
Ngày 05 tháng 06 năm 2015				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Đã ký và đóng	(Đã ký)	(Đã ký)	phiếu	tiền
dấu)			(Đã ký)	(Đã ký)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): <i>Một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.</i>				
Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
Số tiền quy đổi:				

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Biểu số 2.22: Hóa đơn GTGT số HĐ0003605

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao người mua (Customer copy)				Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0003605	
Mã số thuế: 0200287977 Viễn thông Hải Phòng Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Tên khách hàng: Công ty TNHH Cơ khí Thiên Phong Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng Số điện thoại: 0313.608.096 Mã số: HPG-01-617059 Hình thức thanh toán: TM					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Kỳ cước tháng: 05/2015 a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế c. Chiết khấu + đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				163.636 0 0 0 0 0
Cộng tiền dịch vụ:					163.636
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		16.364	
Tổng cộng tiền thanh toán:					180.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm tám mươi nghìn đồng</i>					
Người nộp tiền (Đã ký)				Ngày 05 tháng 06 năm 2015 Nhân viên giao dịch (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Từ các Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Bảng phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ dụng cụ,... trên kế toán ghi Sổ Nhật ký chung như biểu số 2.23:

Biểu số 2.23: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số S03-DN (Ban hành theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
05/ 06		05/ 06	Thanh toán tiền điện thoại phân xưởng T5	627	163.636	
	HĐ3605			133	16.364	
	PC002			111		180.000
...
15/ 06		15/ 06	Mua mũ khoan xuất thăng cho sản xuất	627	450.000	
	HĐ0367			133	45.000	
	PC006			111		495.000
...
30/ 06	BKH06	30/ 06	Trích khấu hao TSCĐ T6/2015	627	7.483.041	
				214		7.483.041
30/ 06	BPBCC DC06	30/ 06	Phân bổ chi phí CCDC T6/2015	642	595.320	
				627	14.298.150	
				242		14.893.470
...
			Cộng phát sinh tháng 6		3.917.203.455	3.917.203.455
...
			Cộng năm		44.097.281.461	44.097.281.461

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.23), kế toán ghi Sổ cái TK627 như biểu số 2.24:

Biểu số 2.24: Trích Sổ cái TK627

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		=	
...
05/ 06	PC002	05/ 06	Thanh toán tiền điện thoại phân xưởng T5/2015	111	163.636	
...
15/ 06	PC006	15/ 06	Mua mũi khoan xuất thăng cho sản xuất	111	450.000	
...			
30/ 06	BKH06	30/ 06	Trích khấu hao TSCĐ T6/2015	214	7.483.041	
30/ 06	BPBCC DC06	30/ 06	Phân bổ chi phí CCDC T6/2015	242	14.298.150	
...
			Cộng phát sinh tháng		68.326.035	68.326.035
			Cộng phát sinh năm		889.903.425	889.903.425
			<u>Số dư cuối năm</u>		=	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ chi phí sản xuất
- Phiếu kế toán
- Phiếu nhập kho

...

- **Tài khoản sử dụng:** TK154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK154
- Sổ cái TK154
- Sổ chi tiết TK155

...

- **Nội dung hạch toán:**

Cuối tháng 6, căn cứ vào Sổ cái TK621(biểu số 2.10), Sổ cái TK622(biểu số 2.16), Sổ cái TK 627 (biểu số 2.24), kế toán lập Bảng phân bổ chi phí sản như biểu số 2.25:

Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT

Tháng 6 năm 2015

Tên sản phẩm	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC
Dàn lạnh 10.000x480	294.087.445	58.881.879	48.343.948
Sửa chữa bảo dưỡng bơm quay toa xe cầu tự hành BKS 26K-7058	7.255.760	1.452.741	1.192.748
Bộ đầu bịt thử áp	91.838.385	18.387.785	15.096.973
...
Cộng	415.643.112	83.219.627	68.326.035

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

- Tiêu thức phân bổ: CPNCTT và CPSXC phân bổ theo CPNVLTT.
- Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức CPNCTT} \\ \text{(CPSXC)} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của tất cả các đối tượng}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng CPNCTT} \\ \text{(CPSXC)} \\ \text{cần phân bổ} \end{array}$$

Ví dụ 2.8: Ngày 30/6, kế toán lập Phiếu kế toán số PKT05/06 kết chuyển CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC như biểu số 2.26:

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số PKT05/06

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành, P. Hùng Vương,...

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 05/06

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết	
					050/TNTP-TP	...
1	Kết chuyển CPNVLTT	154	621	415.643.112	294.087.445	...
2	Kết chuyển CPNCTT	154	622	84.801.880	58.881.879	...
3	Kết chuyển CPSXC	154	622	68.326.035	48.343.948	...
	Cộng			568.771.027	401.313.272	...

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Phiếu kế toán số PKT05/06 (biểu số 2.26), kế toán ghi Sổ chi tiết TK154 như biểu số 2.27:

Biểu số 2.27: Sổ chi tiết TK154

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn Trung Thành,...

Mẫu số S36-DN (Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 154 - 050/TNTP-TP

Tên sản phẩm: Dàn lạnh 10.000x480

Tháng 6 năm 2015

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Ghi Nợ TK154			
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra		
						CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC
			<u>Số dư đầu tháng</u>		=	=	=	=
30/06	PKT05/06	30/06	Kết chuyển CPNVLTT	621	294.087.445	294.087.445		
30/06	PKT05/06	30/06	Kết chuyển CPNCTT	622	58.881.879		58.881.879	
30/06	PKT05/06	30/06	Kết chuyển CPSXC	627	48.343.948			48.343.948
			Cộng PS tháng		401.313.272	294.087.445	58.881.879	48.343.948
			Ghi Có TK154		401.313.272	294.087.445	58.881.879	48.343.948
			<u>Số dư cuối tháng</u>		=	=	=	=

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Phiếu kế toán số PKT05/06 (biểu số 2.26), kế toán ghi Sổ Nhật ký chung như biểu số 2.28:

Biểu số 2.28: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số S03-DN (Ban hành theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
30/ 06	PKT 05/ 06	30/ 06	Kết chuyển CPNVLT, CPNCTT, CPSXC tháng 6	154	568.771.027	
				621		415.643.112
				622		84.801.880
				627		68.326.035
...
			Cộng phát sinh tháng 6		3.917.203.455	3.917.203.455
...
			Cộng năm		44.097.281.461	44.097.281.461

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Nhật ký chung (biểu số 2.28), kế toán ghi Sổ Cái TK154 như biểu số 2.29):

Biểu số 2.29: Trích Sổ cái TK154

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		<u>74.904.556</u>	
...
30 / 06	PKT 05/0 6	30 / 06	Kết chuyển CPNVLT, CPNCTT, CPSXC tháng 6	621	415.643.112	
				622	84.801.880	
				627	68.326.035	
...
30 / 06	TTG 050 06	30 / 06	Giá vốn hàng bán	632		401.313.272
...
			Cộng phát sinh tháng		568.771.027	612.208.544
			Cộng phát sinh năm		5.887.478.854	5.944.157.539
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>18.225.871</u>	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ Bảng phân bổ chi phí sản xuất (biểu số 2.25), kế toán lập Thẻ tính giá thành cho từng sản phẩm như biểu số 2.30:

Biểu số 2.30: Thẻ tính giá thành sản phẩm

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Mẫu số S37-DN (Ban hành theo

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Tháng 06 năm 2015

Số: 051

Tên sản phẩm, dịch vụ: Dàn lạnh 10.000x480

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục		
		CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC
1. Chi phí SXKD dở dang đầu tháng	-	-	-	-
2. Chi phí SXKD phát sinh trong tháng	401.313.272	294.087.445	58.881.879	48.343.948
3. Giá thành sản phẩm trong kỳ	401.313.272	294.087.445	58.881.879	48.343.948
4. Chi phí SXKD dở dang cuối tháng	-	-	-	-

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Biểu số 2.31: Biên bản bàn giao tài sản

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 24 tháng 6 năm 2015, tại Công ty Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiên Phong .

Địa chỉ: Số 2 An Đà, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Chúng tôi gồm có:

I – ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIÊN PHONG

1. Ông: Phạm Minh Hiên Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

II – ĐẠI DIỆN BÊN GIAO (Bên B): CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THIÊN PHONG

1. Ông: Đặng Văn Tứ Chức vụ: Giám đốc

III – NỘI DUNG:

Hai bên cùng tiến hành nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Dàn lạnh 10.000x480 theo Hợp đồng kinh tế số 050/TNTP-TP, ký ngày 29 tháng 05 năm 2015 giữa Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong (bên B) và Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiên Phong (bên A); cụ thể như sau:

Bản thống kê tài sản bàn giao

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Dàn lạnh 10.000x480	Cái	01	

Sản phẩm trên đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bên A.

Biên bản này lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Đã ký)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

Ví dụ 2.9: Ngày 30/6, kế toán phản ánh giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao cho khách hàng.

⇒ Căn cứ Thẻ tính giá thành sản phẩm (biểu số 2.30) và Biên bản bàn giao tài sản (biểu số 2.31), kế toán phản ánh giá vốn theo bút toán:

Nợ 632 401.313.272

Có 154 401.313.272

Sau đó ghi vào sổ Nhật ký chung như biểu số 2.32:

Biểu số 2.32: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Địa chỉ: Số 7A Ngõ 105 Đ. Nguyễn

Trung Thành, P. Hùng Vương,...

Mẫu số S03-DN (Ban hành theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
30/ 06	TTG 050	30/ 06	Giá vốn hàng bán	632	401.313.272	
				154		401.313.272
...
			Cộng phát sinh tháng 6		3.917.203.455	3.917.203.455
...
			Cộng năm		44.097.281.461	44.097.281.461

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong)

⇒ Căn cứ vào Nhật ký chung (biểu số 2.32), kế toán ghi Sổ Cái TK154 như biểu số 2.29.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THIÊN PHONG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, em đã có cơ hội tìm hiểu rõ hơn về công tác kế toán thực tế, đặc biệt là công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm. Kết hợp với những kiến thức có được trên giảng đường và qua tìm hiểu các tài liệu khác, em xin mạnh dạn nêu một số ý kiến của bản thân, hy vọng nhận được sự nhận xét, góp ý của thầy cô để bài viết được chính xác và hoàn thiện hơn.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Điều này giúp kế toán trưởng luôn nắm bắt rõ những nội dung cần thiết phục vụ nhu cầu hạch toán, cũng như luôn sẵn sàng báo cáo thông tin cho giám đốc để phục vụ nhu cầu quản lý.

Bộ máy kế toán gọn nhẹ cũng giúp công ty tiết kiệm chi phí.

❖ Về trình độ chuyên môn:

Kế toán viên có trình độ và kinh nghiệm, ý thức trách nhiệm cao, luôn tích cực cập nhật những chế độ kế toán mới, sẵn sàng giúp đỡ bộ máy quản lý chưa có nhiều kinh nghiệm.

❖ Về các chính sách kế toán áp dụng:

Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Đây là chính sách mới nên việc sớm tìm hiểu và áp dụng thể hiện sự linh hoạt, nhạy bén trong công tác kế toán ở Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

Các chính sách khác được áp dụng phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, là cơ sở tốt cho công tác kế toán (đặc biệt là công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm), cũng như công tác quản lý.

❖ Về hệ thống sổ sách, chứng từ:

Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán được tổ chức đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu, theo đúng quy định và đáp ứng tốt yêu cầu hạch toán.

❖ Về công tác hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm:

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành được xác định hợp lý, góp phần tính toán chính xác giá thành sản phẩm.

Kỳ tính giá thành là hàng tháng, giá thành được tính vào thời điểm cuối tháng khi sản phẩm đã hoàn thành. Điều này giúp khối lượng công việc của kế toán giá thành vừa phải, chi phí sản xuất được theo dõi chặt chẽ, rõ ràng, tránh tình trạng bỏ sót hay nhầm lẫn.

Phương pháp hạch toán phù hợp với điều kiện sản xuất.

3.1.2. Hạn chế

❖ Về hạch toán các khoản trích theo lương:

Các khoản trích theo lương của toàn bộ công nhân viên tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong được tính theo mức lương tối thiểu vùng của nơi công ty hoạt động (quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng). Cách tính này không còn đúng theo quy định hiện hành.

❖ Về công tác hạch toán thiệt hại trong sản xuất:

Là doanh nghiệp với hoạt động đặc thù là sản xuất cơ khí, việc tạo ra sản phẩm hỏng là điều không tránh khỏi ở Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, các sản phẩm hỏng này thường sửa chữa được. Tuy vậy, kế toán của công ty lại theo dõi riêng khoản chi phí này mà hạch toán như các chi phí sản xuất khác.

❖ Về việc chưa áp dụng tốt công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công tác kế toán tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong hiện tại vẫn được thực hiện thủ công, chưa áp dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ phần hành nào. Trong điều kiện khối lượng công việc lớn, yêu cầu cao về tính kịp thời của thông tin như hiện nay điều này không còn phù hợp nữa.

Để có được số liệu tổng hợp, kế toán phải sử dụng nhiều sổ sách, qua nhiều công đoạn đối chiếu, tính toán không dễ dàng. Số liệu đưa ra trong vài trường hợp khó tránh khỏi sai sót hay không kịp thời.

Việc quản lý, theo dõi và lưu trữ số lượng lớn sổ sách cũng mang lại nhiều khó khăn.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Khi hội nhập kinh tế, theo đuổi mục tiêu được các quốc gia và tổ chức trên thế giới công nhận kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, pháp luật nước ta cho phép các thành phần kinh tế tự do cạnh tranh một cách bình đẳng. Sự cạnh tranh này diễn ra ở mọi ngành nghề và tất cả các doanh nghiệp đều phải đối mặt với nó. Đây là cơ hội cũng là thách thức rất lớn, đặc biệt với những doanh nghiệp mới thành lập.

Để có được lợi thế cạnh tranh lớn nhất, các doanh nghiệp phải tìm mọi cách nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, nhất là làm tốt công tác hạ giá thành sản phẩm, ưu tiên hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh một cách hợp lý vì:

- Hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh giúp gia tăng lợi nhuận.
- Hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh giúp hạ thấp giá bán.
- Hạ thấp chi phí sản xuất kinh doanh sẽ làm giảm bớt phần đọng vốn của doanh nghiệp ở các khâu trong quá trình sản xuất và kinh doanh, giúp dòng vốn luân chuyển nhanh và tốt hơn.

Tại các doanh nghiệp sản xuất, chi phí sản xuất chiếm phần lớn trong các chi phí sản xuất kinh doanh. Quan tâm, quản lý chi tiết, đầy đủ và chặt chẽ khoản chi phí này là nhiệm vụ hàng đầu của công tác quản lý.

Ngoài ra, nhà quản lý cần phải nắm giữ được tất cả các thông tin chính xác nhất liên quan đến các mặt hoạt động để xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn. Cùng với những thông tin về giá cả, về thị trường thì thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm giúp xác định được giá bán hợp lý, cơ cấu sản phẩm tối ưu, vừa tận dụng được tối đa nguồn lực hiện có, vừa thu được lợi nhuận cao.

Chính vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mang ý nghĩa thực tiễn to lớn, là yêu cầu tất yếu của các doanh nghiệp sản xuất, trong đó có Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

Yêu cầu đặt ra cho công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm cũng như kế toán các phần hành khác luôn là kịp thời áp dụng đúng và phù hợp các quy định, chuẩn mực kế toán mới nhất được Nhà nước ban hành. Việc hạch toán phải trung thực, đầy đủ, chính xác theo đúng nguyên tắc, chuẩn mực. Số liệu đưa

ra không những chính xác mà cần kịp thời, rõ ràng, dễ hiểu, dễ tổng hợp - xử lý để phục vụ nhu cầu quản lý.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cần dựa trên những cơ sở sau:

- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung. Mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán, trong chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong công việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp.

- Đảm bảo thực hiện tốt các chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

3.4.1. Kiến nghị 1: Về thay đổi trong công tác hạch toán các khoản trích theo lương

- Trích nộp đúng và đủ các khoản trích theo lương là quyền lợi và trách nhiệm của cả người lao động và doanh nghiệp. Pháp luật quy định rõ các mức phạt đối với doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định về việc trích nộp các khoản theo lương cho người lao động.

- Doanh nghiệp đang sử dụng mức lương tối thiểu vùng làm căn cứ tính các khoản trích theo lương. Điều này cần thay đổi theo quy định mới.

- Cách thức tiến hành giải pháp: Doanh nghiệp thay đổi cách hạch toán theo quy định hiện hành: Mức tiền lương hàng tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ là tiền lương tháng được ghi trong hợp đồng lao động nếu lương hợp đồng cao hơn hoặc bằng lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng; Trong trường hợp lương hợp đồng thấp hơn mức lương tối thiểu vùng thì mức lương đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ là lương tối thiểu vùng.

Ví dụ 3.1: Ngày 30/06/2015, trích lương công nhân Bùi Văn Quang, lương hợp đồng 6.500.000 đồng/tháng.

⇒ Lương hợp đồng cao hơn mức lương tối thiểu vùng.

Vậy các khoản trích theo lương theo quy định mới:

+ Tính vào chi phí = $6.500.000 * 24\% = 1.560.000$ (đồng)

+ Trừ vào lương = $6.500.000 * 10,5\% = 682.500$ (đồng)

Ví dụ 3.2: Ngày 30/06/2015, trích lương công nhân Nguyễn Hoàng Tuấn, lương hợp đồng 3.150.000 đồng/tháng

⇒ Lương hợp đồng cao hơn mức lương tối thiểu vùng.

Vậy các khoản trích theo lương theo quy định mới:

+ Tính vào chi phí = $3.150.000 * 24\% = 756.000$ (đồng)

+ Trừ vào lương = $3.150.000 * 10,5\% = 330.750$ (đồng)

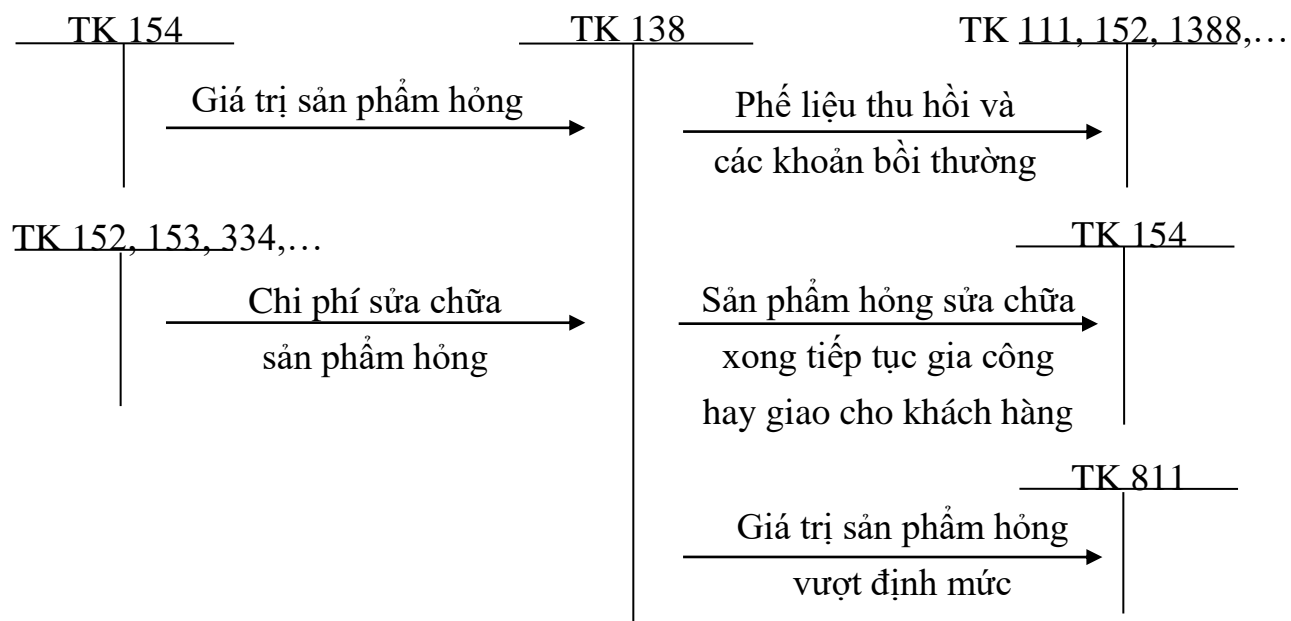
- Việc thực hiện tốt quy định về trích các khoản theo lương thể hiện doanh nghiệp quan tâm đến lợi ích của người lao động, nghiêm túc chấp hành pháp luật, giúp nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Hạch toán đúng khoản chi phí này cũng góp phần xác định chính xác giá thành sản phẩm, xây dựng giá bán sản phẩm tối ưu, lập đúng các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về hạch toán thiệt hại trong sản xuất

- Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi đối với doanh nghiệp. Tuy vậy, việc kiểm soát, dự phòng các thiệt hại có thể dự đoán trước sẽ làm giảm đáng kể ảnh hưởng của chúng đến quá trình sản xuất. Quản lý các thiệt hại này qua công tác hạch toán kế toán giúp nhà quản trị đưa ra biện pháp xử lý tối ưu.

- Là doanh nghiệp sản xuất cơ khí, các sản phẩm hỏng thường sửa chữa được. Khi xảy ra sai hỏng trong quá trình sản xuất, tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, mọi chi phí phát sinh đều được ghi nhận như khi sản xuất bình thường (sử dụng các tài khoản TK621, TK622, TK627). Điều này gây ra sự không rõ ràng, tạo khó khăn trong quản lý nhất là với việc lập dự toán vật tư.

- Cách thức tiến hành giải pháp: Theo dõi riêng các khoản thiệt hại trong sản xuất, lập dự phòng đối với những thiệt hại có thể ước định trước. Phân loại rõ các thiệt hại và áp dụng phương pháp phù hợp trong từng trường hợp. Đối với khoản thiệt hại về sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được, kế toán hạch toán theo sơ đồ 3.1:



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ hạch toán thiệt hại sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được kiến nghị với Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

Ví dụ 3.3: Ngày 16/06/2015, sản phẩm Khuôn uốn ống 90⁰UPVC cỡ Ø63 không đạt yêu cầu kỹ thuật do máy móc sản xuất xảy ra lỗi.

Ví dụ 3.4: Ngày 17/06/2015, xuất bỏ sung 85,4kg phôi thép đúc Buly sản xuất sản phẩm Khuôn uốn ống 90⁰UPVC, đơn giá 17.000 đồng/kg theo phiếu xuất kho số PX148. Chi phí nhân công sửa chữa phát sinh 285.000 đồng. Không có phế liệu thu hồi.

Hạch toán khoản thiệt hại như sau:

Giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ 138	6.341.883
Có 154	6.341.883

Chi phí sửa chữa:

Nợ 138	1.736.800
Có 152	1.451.800
Có 334	285.000

Trị giá sản phẩm sửa chữa xong tiếp tục gia công:

Nợ 154	8.078.683
Có 138	8.078.683

- Như vậy, khi hạch toán riêng, kế toán dễ dàng xác định rõ khoản thiệt hại phát sinh là 1.736.800 đồng. Tạo ra sản phẩm hư hỏng gây ra tổn thất nhất định cho doanh nghiệp, dựa theo báo cáo của kế toán mà nhà quản lý xem xét và đưa ra

quyết định sửa chữa, bảo dưỡng hay thay mới máy móc thiết bị để giảm tối đa ảnh hưởng của thiệt hại tới doanh nghiệp. Hơn thế nữa, chi phí nhân công sửa chữa được hạch toán riêng cũng giúp xác định chính xác hơn giá thành sản phẩm.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

- Hiện nay rất nhiều doanh nghiệp đã sử dụng các phần mềm kế toán phục vụ cho công tác kế toán. Điều này góp phần tạo ra sự chuyên nghiệp trong công tác quản lý.

- Việc hạch toán thủ công tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong mang lại rất nhiều khó khăn cho kế toán viên. Khi doanh nghiệp bước ra khỏi thời kỳ mới hoạt động sẽ có ngày càng nhiều khoản thu - chi, hàng tồn kho, khách hàng – nhà cung cấp, tài sản cố định,... cần quản lý. Công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm cũng như kế toán các phần hành khác sẽ phát sinh thêm nhiều nghiệp vụ mới với ngày càng nhiều sổ sách, chứng từ. Khối lượng công việc lớn dễ dàng gây ra áp lực với kế toán viên, dẫn đến sơ sót, không kịp thời trong công tác kế toán. Sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp giải quyết các vấn đề trên một cách dễ dàng. Ngoài ra, trong thời gian tới, khi doanh nghiệp có đối tác là thành viên của TPP, những phần mềm kế toán nhanh chóng cung cấp thông tin khi có yêu cầu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, giúp khách hàng có sự nhìn nhận tốt hơn về doanh nghiệp.

- Có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp như: Misa, Fast, 3Tsoft, Bravo,... Các phần này đều dễ sử dụng, tuy vậy, kế toán viên cần tìm hiểu kỹ để tránh nhầm lẫn, sai sót khi sử dụng. Các phần mềm đều hoạt động theo quy tắc, chuẩn mực mà pháp luật quy định, có tính cập nhật. Trước khi mua, doanh nghiệp nên tham khảo trước để sở hữu phần mềm tốt, chi phí đầu tư hợp lý. Em xin giới thiệu phiên bản mới nhất của một trong số những phần mềm phổ biến hiện nay – Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 của Công ty cổ phần Misa:



Hình 3.1: Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

Thông tin về phần mềm, hướng dẫn sử dụng được giới thiệu chi tiết trên website: <http://www.misa.com.vn>

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong

3.5.1. Về phía Nhà nước

Sự vững mạnh, phát triển của doanh nghiệp Việt Nam là động lực phát triển kinh tế của đất nước. Chính vì vậy, nước ta luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn cho các doanh nghiệp.

Các chính sách được đưa ra đảm bảo quyền sở hữu tài sản hợp pháp, quyền tự do kinh doanh theo quy định cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp không phân biệt quy mô, loại hình, thành phần kinh tế đều bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực. Hơn thế nữa, pháp luật còn có các chính sách hỗ trợ đặc thù để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp có chất lượng.

Đồng thời Nhà nước còn có các công cụ để quản lý điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, áp dụng cấp phép tự động và thực hiện hậu kiểm; rà soát, loại bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh ra khỏi các văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, các sản phẩm và chất lượng sản phẩm để tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư doanh nghiệp.

Đây là động lực rất lớn để công ty TNHH cơ khí Thiên Phong hoàn thiện và đứng vững trên thị trường, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, trong đó có việc thực hiện các giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong là một doanh nghiệp mới thành lập với ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên còn tương đối trẻ tuổi, năng động, sáng tạo nhưng không kém phần chăm chỉ, có kiến thức và kỹ năng thực tế. Những thách thức gặp phải luôn đẩy lên phần nhiệt huyết trong mỗi thành viên trong công ty. Vượt qua những thách thức đó giúp doanh nghiệp tích lũy được ngày càng nhiều kinh nghiệm. Cũng nhờ đó, ban quản lý công ty nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm. Đây là điều kiện để thực hiện các giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Để xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn, các nhà quản lý cần phải nắm giữ được tất cả các thông tin chính xác nhất liên quan đến các mặt hoạt động. Cùng với những thông tin về giá cả, về thị trường thì thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm giúp xác định được giá bán hợp lý, cơ cấu sản phẩm tối ưu, vừa tận dụng được tối đa nguồn lực hiện có, vừa thu được lợi nhuận cao. Chính vì vậy, việc hạch toán chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm mang ý nghĩa quan trọng với các doanh nghiệp sản xuất, trong đó có Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, đề tài đã hệ thống hóa những lý luận chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Đồng thời, đề tài mô tả được công tác hạch toán chi phí sản xuất – tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong và đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp như:

- Kiến nghị về thay đổi trong công tác hạch toán các khoản trích theo lương.
- Kiến nghị về công tác hạch toán thiệt hại trong sản xuất
- Kiến nghị về việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Ngoài những nội dung trình bày trên đây còn có những tồn tại khác trong công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí Thiên Phong, nhưng do còn hạn chế về kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế nên em không thể trình bày hết. Trong bài viết không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những đóng góp, chỉ bảo của thầy cô để được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Đỗ – Trương Thị Thủy – Nguyễn Trọng Cơ (2006), *Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Học viện Tài chính.
2. Phan Đức Dũng (2007), *Kế toán chi phí giá thành*, NXB Thống kê.
3. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguồn số liệu kế toán tại Phòng kế toán công ty TNHH cơ khí Thiên Phong.